



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

13

Tháng 7 - 2014

HỘI NGHỊ SƠ KẾT CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014 - BỘ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2014



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Thứ trưởng Cao Lại Quang báo cáo tại Hội nghị

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

**THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM**

13
SỐ 13 - 7/2014



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@voc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 893/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 5
phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển
kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ
sung quy hoạch đến năm 2025
- Quyết định số 996/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 7
phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà
Nội giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm
2030
- Quyết định số 998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 8
phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa
khẩu Hoàn Mô - Đồng Văn, tỉnh Quảng Ninh đến năm
2030

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh 10
Kon Tum ban hành Quy định phân công, phân cấp
trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình
xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum
- Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh 12
Bình Dương ban hành Quy định về quản lý và sử dụng
chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn
tỉnh Bình Dương
- Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh 14
Thái Bình ban hành Quy định về tổ chức lập, thẩm
định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng
thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh
vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thái Bình

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Nhiệm vụ “Điều tra, khảo sát xây dựng 16
Đề án phát triển các đô thị ven biển ứng phó với biến
đổi khí hậu và nước biển dâng”
- Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu công nghệ chế tạo 17
xi măng alumin CA50 từ nguồn nguyên liệu trong
nước”
- Nghiệm thu 03 dự thảo tiêu chuẩn về phương pháp 18
thử và phân tích
- Hội nghị thẩm định Đề án Quy hoạch chung đô thị 20
Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Cơ sở phương pháp - tiêu chuẩn đối với công tác 22
thiết kế các tòa nhà /công trình ứng dụng cấu kiện
bằng thép nhẹ thành mỏng tại LB Nga
- Nghiên cứu kỹ thuật cải tạo, phòng chống tai họa 24
cho các công trình cũ tại đô thị ở Trung Quốc
- Các Chương trình nhà ở và chất lượng cuộc sống tại 26
các khu vực đô thị hóa ở Liên bang Nga

Thông tin

- Bộ Xây dựng tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng 32
thể chế
- Tổng Công ty Viglacera chính thức chuyển đổi 34
thành công ty cổ phần
- Hội Ban điều phối chung lần thứ nhất của Dự án 36
tăng cường năng lực về quản lý tổng hợp chất thải
rắn đô thị tại Việt Nam
- Nga thúc đẩy xây dựng xanh phát triển 38
- Đô thị hóa không thể thiếu văn hóa 40
- Thị trường bất động sản Trung Quốc có dấu hiệu 42
khởi sắc
- Kinh nghiệm về xử lý nước thải nông thôn của thành 45
phố Trường Thục, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 893/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025

Ngày 11/6/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 893/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025.

Quyết định này đã điều chỉnh mục tiêu phát triển thành: Xây dựng Bình Dương trở thành một đô thị văn minh, hiện đại, trở thành một trong những đô thị phát triển kinh tế - xã hội của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, có sức lan tỏa lớn, có tác động mạnh đến các tỉnh lân cận và vùng xung quanh; Bình Dương trở thành một đô thị trực thuộc Trung ương trước năm 2020, công nghiệp phát triển theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, tỉ lệ nội địa cao, ít thâm dụng lao động, cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ hiện đại, du lịch phát triển theo hướng đa dạng loại hình dịch vụ: Sinh thái, lịch sử, văn hóa, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học... gắn chặt với đô thị xanh, văn minh, hiện đại; nông nghiệp đô thị gắn với công nghệ sinh học cao và chuyển giao công nghệ sinh học.

Cụ thể, thời kỳ 2011 - 2015, thực hiện theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 - 2015 (KH11-15). Tốc độ tăng trưởng kinh tế thời kỳ 2011 - 2015 sẽ điều chỉnh từ 14,9%/năm theo QH2007 xuống 13,5%/năm theo KH11-15. Trong đó Công nghiệp - Xây dựng điều chỉnh từ 14,5%/năm xuống 9%/năm, khu vực Dịch vụ điều chỉnh từ

16,5%/năm tăng lên 22%/năm, khu vực Nông - Lâm nghiệp điều chỉnh từ 3,4%/năm xuống 2%/năm. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỉ trọng của các ngành dịch vụ, điều chỉnh tỉ trọng các ngành dịch vụ từ 30% tăng lên 38%. Khu vực Công nghiệp - Xây dựng điều chỉnh từ 62,9% xuống 59%. Các ngành khu vực Nông - Lâm nghiệp điều chỉnh từ 3,4% xuống 3%. Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đạt nền tảng của đô thị loại I: Tập trung xây dựng đường trục giao thông huyết mạch hướng tâm, xuyên tâm và đối ngoại; hoàn thiện một số trục kết nối với các trung tâm kinh tế, cảng nước sâu, sân bay quốc tế trong vùng Đông Nam Bộ, Kinh tế trọng điểm phía Nam và thành phố Hồ Chí Minh. Tỉ lệ đô thị hóa điều chỉnh tăng từ 50% lên 70%. Diện tích nhà ở bình quân đầu người 24 m²/người. Tỉ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch là 99%. Tỉ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh: 98%. Tỉ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý là 90%. Chất thải rắn y tế sẽ được thu gom và được xử lý 100%. 100% các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường.

Thời kỳ 2016 - 2020, Bình Dương sẽ trở thành đô thị trực thuộc Trung ương, cơ bản hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đạt tiêu chuẩn đô thị trực thuộc Trung ương. Điều chỉnh tỉ lệ đô thị hóa tăng từ 75% lên 80%. Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí nông thôn mới là 100%. Diện tích nhà ở bình quân

đầu người 30 m²/người. Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch là 100%, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 99,5%. Đảm bảo 100% các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường.

Ngoài điều chỉnh hai thời kỳ trên, Quyết định này còn bổ sung thời kỳ 2021 - 2025 với mục tiêu phát triển Bình Dương là một đô thị công nghiệp, dịch vụ phát triển, nông nghiệp đô thị bền vững, có tỷ lệ đô thị hóa đạt 83 - 85%, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại.

Về điều chỉnh, bổ sung phát triển đô thị, Quyết định này nêu rõ: Xây dựng đô thị Bình Dương theo hướng đô thị mới, văn minh, hiện đại, đô thị xanh. Là đô thị đi đầu trong quá trình phát triển, có tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, mạnh để đô thị thực sự là động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa cho các tiểu vùng khác. Phát triển đô thị phải phù hợp với mức độ tăng dân số đô thị. Đến năm 2020, dân số đô thị có khoảng 2 triệu người, tỷ lệ dân số đô thị chiếm khoảng 80% tổng dân số toàn Tỉnh, cao hơn trung bình vùng Đông Nam Bộ. Dự báo năm 2025, dân số đô thị tỉnh Bình Dương có khoảng 2,5 triệu người, chiếm 83,3% tổng dân số toàn Tỉnh. Tốc độ tăng dân số đô thị giai đoạn 2016 - 2020 bình quân 6,9%/năm và giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân 4,5%/năm.

Xây dựng vùng nông thôn Bình Dương có sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững, đảm bảo cung ứng thực phẩm cho các thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu, đồng thời sản xuất một phần lương thực cho nhu cầu. Tăng cường đầu tư cho nông thôn bằng cách thu hút đầu tư từ mọi nguồn lực, phát triển kinh tế tư nhân, chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý, đưa khoa học - công nghệ mới vào sản xuất, giảm chi phí đầu vào, chi phí trung gian,

nâng cao khả năng cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm công nghiệp. Thực hiện tốt chương trình phát triển nông thôn mới, đảm bảo đủ tiêu chí và mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng hệ thống đường đô thị đạt chuẩn và hiện đại. Khu vực phía Bắc sẽ được kết nối vào các đô thị trung tâm và ngoài vùng. Phát triển hệ thống đường cấp huyện, xã đồng bộ kết nối với các hệ thống đường đô thị và kết nối với đường đối ngoại, vành đai nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống giao thông. Hệ thống công trình phục vụ vận tải đường bộ như bến xe, hệ thống cảng cạn, trạm dừng nghỉ, điểm bãi đỗ xe công cộng... được xây dựng đồng bộ để nâng cao hiệu suất sử dụng của hệ thống giao thông.

Nhu cầu nước đến năm 2020 khoảng 1.011 m³/ngày, đến năm 2030 khoảng 1.445 m³/ngày. Hướng giải quyết là lấy nguồn nước đã được chuyển từ hồ Phước Hòa 15 m³/giờ cung cấp cho đô thị và công nghiệp ở Bình Dương. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường thực hiện theo quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường đến năm 2020. Theo đó, đã quy hoạch toàn bộ hệ thống các tuyến tiếp nhận nước thải từ các khu đô thị, các khu công nghiệp tập trung đưa vào hệ thống cống chung và xử lý trước khi thải ra môi trường tự nhiên. Chú trọng đến việc quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn. Thu gom, phân loại chất thải rắn không nguy hại có thể được tái chế; chất thải rắn nguy hại cần được xử lý theo quy định. Hình thức xử lý chất thải rắn trong thời kỳ đầu vẫn là chôn cất. Tuy nhiên, về lâu dài phải đưa vào các nhà máy xử lý. Đến năm 2020, Bình Dương cần phải có 6 khu thu gom vận chuyển được xây dựng mới, 3 khu cũ và khoảng 100 xe rác. Xử lý chất thải rắn có 3 khu tập trung và có 1 lò đốt chất thải độc hại.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 996/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2030

Ngày 19/6/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 996/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2030 theo quan điểm: Tuân thủ các quan điểm về phát triển nhà ở quy định tại Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu đô thị, nhà ở phải phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và yêu cầu xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại, ưu tiên đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Các khu chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp được cải tạo, xây dựng lại nhằm bảo đảm an toàn cho người sử dụng và mỹ quan đô thị. Việc cải tạo, xây dựng phải tuân thủ quy định về độ cao, mật độ dân cư, mật độ xây dựng theo quy hoạch. Việc cải tạo, phục hồi nhà cổ, biệt thự cũ và các công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 phải bảo đảm bảo tồn, phát huy giá trị kiến trúc theo quy định của pháp luật. Dành tỉ lệ đất ở hợp lý trong tổng số đất đai quy hoạch phát triển nhà ở để phát triển nhà ở xã hội đảm bảo nguồn cung phù hợp với nhu cầu nhà ở trong từng giai đoạn và phát triển ổn định thị trường bất động sản.

Theo Quyết định này, đến năm 2015, diện tích nhà ở bình quân toàn thành phố là 23,1 m²/người (diện tích nhà ở tối thiểu 6,5 m²/người) trong đó, khu vực đô thị 26,6 m²/người, khu vực nông thôn 20 m²/người. Nâng tỉ lệ nhà ở kiên cố toàn thành phố lên 89,7% (năm 2011, tỉ lệ nhà ở kiên cố toàn thành

phố là 88,6%), giảm tỉ lệ nhà ở đơn sơ xuống còn 0,05%. Tổ chức triển khai thực hiện công tác phát triển nhà ở xã hội, cụ thể như sau: Đầu tư xây dựng khoảng 540.000 m² sàn, đáp ứng 41.000 chỗ ở cho sinh viên; đầu tư xây dựng khoảng 1.600.000 m² sàn, đáp ứng chỗ ở cho công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp vừa và nhỏ, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp (kể cả các cơ sở khai thác, chế biến) của tất cả các ngành, nghề; đầu tư xây dựng khoảng 1.800.000 m² sàn, tương đương 20.000 căn hộ nhà ở xã hội cho người có công với cách mạng, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính sự nghiệp... Hoàn thành việc hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo ở khu vực nông thôn giai đoạn 2 (theo chuẩn nghèo mới). Tạm dừng phát triển nhà ở thương mại trong khu vực nội đô lịch sử đối với các dự án chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn chủ đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư dự án. Tỉ lệ nhà chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị đạt 80%; tỉ lệ nhà ở cho thuê trong các dự án nhà ở xã hội đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách đạt 20%.

Đến năm 2020, diện tích nhà ở bình quân toàn thành phố đạt 26,3 m²/người (diện tích nhà ở tối thiểu 8,5 m²/người), trong đó khu vực đô thị 29,1 m²/người, khu vực nông thôn 22,1 m²/người; nâng tỉ lệ nhà ở kiên cố toàn thành phố lên thành 91,2%, hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà ở đơn sơ; tổ chức triển khai thực hiện công tác phát triển nhà ở xã hội, cụ thể: đầu tư xây dựng khoảng 800.000 m² sàn, đáp ứng 130.000 chỗ ở cho sinh viên, 3.000.000 m² sàn, đáp ứng 400.000 chỗ ở cho công nhân,

người lao động và khoảng 2.223.000 m² sàn, tương ứng 32.000 căn hộ cho người có công với cách mạng, cán bộ, công chức, viên chức, những người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, khoảng 2.400.000 m² sàn nhà ở tái định cư, tương ứng 30.000 căn hộ; tiếp tục phát triển nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật; tỉ lệ nhà chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị đạt 90%, tỉ lệ nhà ở cho thuê trong các dự án nhà ở xã hội đạt 30%.

Định hướng đến năm 2030, tiếp tục nâng cao chất lượng nhà ở, thỏa mãn nhu cầu về nhà ở cho các đối tượng, đặc biệt là các đối tượng chính sách xã hội có khó khăn về nhà ở. Thành phố đề xuất những cơ chế, chính sách phát triển nhà ở xanh sạch, hiện đại, bền vững, góp

phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Diện tích nhà ở bình quân toàn thành phố là 31,5 m²/người (diện tích nhà ở tối thiểu 12,6 m²/người), trong đó khu vực đô thị 33,8 m²/người, khu vực nông thôn 27,1 m²/người, tiếp tục thực hiện cải tạo, chỉnh trang nhà ở đã có. Nâng tỉ lệ nhà ở kiên cố toàn thành phố lên thành 93,2%; tỉ lệ nhà chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị đạt 90%, tỉ lệ nhà ở cho thuê trong các dự án nhà ở xã hội đạt 30%.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô - Đồng Văn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030

Ngày 19/6/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 998/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô - Đồng Văn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 với tính chất: Là khu kinh tế đa ngành, trung tâm kinh tế, văn hóa, dịch vụ, du lịch của vùng biên giới phía Bắc tỉnh Quảng Ninh; là đô thị tổng hợp với không gian kiến trúc hiện đại, có bản sắc và đảo bảo các tiêu chí của đô thị loại V; là cửa ngõ giao lưu hoạt động, trung chuyển thương mại quốc tế và đầu mối giao thông quan trọng trong khu vực miền núi Bắc bộ, vùng vành đai kinh tế vịnh Bắc bộ, thuận lợi cho việc thu hút, xúc tiến các hoạt động đầu tư trên cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội đồng bộ tại khu vực cửa khẩu.

Về định hướng phát triển không gian, không gian dọc theo đường quốc lộ 18C và đường trục chính Hoàn Mô - Đồng Văn được phát triển đô thị và các khu chức năng, tạo thành vùng xây

dựng tập trung, hình thành khu thương mại công nghiệp (phi thuế quan), xây dựng các khu dịch vụ thương mại hỗn hợp gắn với các khu vực cửa khẩu Hoàn Mô, khu trung tâm Hoàn Mô và cửa khẩu Đồng Văn. Khu vực đồi thấp lân cận các tuyến đường Hoàn Mô - Đồng Tâm, đường Đồng Văn - Khe Tiền, các quỹ đất thấp giáp ranh với vùng xây dựng tập trung bố trí các khu vực sản xuất theo mô hình trang trại, đồng thời là khu vực dự phòng phát triển ở giai đoạn dài hạn. Không gian núi cao hiện đang là rừng phòng hộ được bảo tồn, giữ gìn cảnh quan tự nhiên, tạo khung sinh thái bền vững. Các khu vực đất trống chưa khai thác có độ dốc lớn, khu vực lân cận vùng rừng phòng hộ được kiểm soát, hạn chế xây dựng nhằm tạo hệ thống cây xanh liên hoàn.

Theo Quyết định này, Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô - Đồng Văn được chia thành 3 vùng là vùng xây dựng tập trung, vùng phát triển

phân tán kết hợp nông lâm nghiệp và dự phòng, vùng quản lý bảo tồn cảnh quan tự nhiên. Vùng xây dựng tập trung bao gồm khu cửa khẩu, khu hành chính, quản lý của Khu kinh tế, khu thương mại, công nghiệp, khu logistic, khu hỗn hợp thương mại, dịch vụ, chợ đường biên, khu vực sản xuất kinh doanh, khu du lịch và khu vực đô thị với cơ sở hạ tầng tương đương đô thị loại V. Trong đó, khu ở đô thị cửa khẩu Hoàn Mô có quy mô khoảng 15,8 ha, dân số khoảng 2.200 người, khu ở đô thị trung tâm Hoàn Mô có quy mô khoảng 43,3 ha, dân số khoảng 5.100 người, khu ở đô thị cửa khẩu Đồng Văn có quy mô khoảng 48,9 ha, dân số khoảng 2.900 người.

Khu vực xây dựng phân tán gồm các khu tái định cư và khu dân cư nông thôn hiện hữu, tổng quy mô đất đai khoảng 147,5 ha, dân số đến năm 2030 khoảng 3.850 người. Các điểm dân cư phân tán có tổng quy mô khoảng 89,6 ha, dân số khoảng 1.990, giữ cấu trúc dân cư làng bản hiện trạng, hạn chế di dân tự do. Quỹ đất xây dựng khác có diện tích 114,9 ha, bao gồm khu vực du lịch tại Đồng Thắng, đất giao thông đối ngoại, giao thông nông thôn, đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật và đất an ninh quốc phòng. Khu vực phát triển nông lâm nghiệp và dự phòng giữ lại 255,8 ha đất trồng lúa nước, 202,8 ha đất nông nghiệp khác để đảm bảo an ninh lương thực, giữa tập quán sản xuất và văn hóa địa phương. Quy hoạch khu trang trại và dự phòng phát triển chủ yếu tạo xã Hoàn Mô, một phần xã Đồng Văn với quy mô khoảng 865,3 ha, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Quỹ đất rừng sản xuất có quy mô khoảng 4.655,2 ha được khoanh vùng, tổ chức trồng cây tạo vùng nguyên liệu và bảo tồn quỹ vườn rừng đặc sản địa phương.

Vùng quản lý bảo tồn cảnh quan tự nhiên bao gồm các khu vực vành đai biên giới và khu vực rừng phòng hộ, khu vực đất chưa sử dụng có độ dốc và độ cao lớn lân cận cùng rừng phòng hộ. Quy mô diện tích toàn vùng khoảng

6.792 ha. Vùng rừng phòng hộ được bảo tồn tôn tạo nghiêm ngặt, không cho phép xây dựng công trình dân dụng, khuyến khích hoạt động mang tính nghiên cứu khoa học.

Theo Quyết định này, đối với khu vực đô thị, phát triển công trình kiến trúc mang đặc trưng địa phương, đảm bảo bán kính phục vụ đối với các công trình hạ tầng xã hội. Hạn chế san gạt lớn tại các vùng tự nhiên, tôn trọng cảnh quan. Đối với các khu vực dân cư ngoài đô thị, bảo tồn cấu trúc làng, bản, nâng cấp cơ sở hạ tầng, khôi phục các hoạt động văn hóa gắn với không gian sản xuất truyền thống. Đối với hệ sinh thái, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, mở rộng và cải tạo các đoạn sông suối bị thu hẹp, bổ sung cũng như khai thác rừng có kiểm soát để cân bằng với phát triển.

Về san nền, đối với các công trình đã phê duyệt được tiếp tục triển khai theo dự án. Đối với khu vực dự kiến xây mới, khu vực đồi núi có độ dốc dưới 15% được thiết kế xây dựng theo các thêm địa hình, xây dựng tường chắn hoặc taluy để đảm bảo nền ổn định không bị sạt lở. Khu vực ven suối cao độ san nền đảm bảo cách mép nước dâng cao nhất tối thiểu 30 m, cao độ khống chế tối thiểu bằng mức cao nhất +0,5 m. Đối với các công trình công cộng, sản xuất công nghiệp, cao độ nền khống chế lớn hơn mực nước lớn nhất từ 0,7 đến 1,0 m.

Về thoát nước mưa, hướng thoát nước chính của toàn khu vực nghiên cứu ra sông Đồng Mô, sông Tiên Yên. Lựa chọn hệ thống thoát nước là hệ thống thoát nước kiểu riêng giữa nước mưa và nước thải. Các suối là trục tiêu chính, thoát ra sông Đồng Mô. Các cống thoát nước dọc các trục đường chủ yếu là đổ về các suối, một số tuyến cạnh sông sẽ thoát trực tiếp ra sông Đồng Mô. Các đoạn sông, suối qua đô thị được kè để tránh sạt lở và tạo cảnh quan cho đô thị.

Về cấp nước, tổng nhu cầu cấp nước cho Khu kinh tế đến năm 2020 khoảng 3.000 m³/ngày đêm, đến năm 2030 khoảng 4.200

m³/ngày đêm. Về thoát nước thải, nước thải sinh hoạt, công cộng, thương mại dịch vụ xử lý tập trung khoảng 1.360 - 2.200 m³/ngày, xử lý phân tán 120 - 230 m³/ngày, nước thải khu sản xuất kinh doanh khoảng 472 m³/ngày được xử lý riêng. Khu vực xây dựng đô thị tập trung tận dụng địa hình tự nhiên, xây dựng cống tự chảy tối đa. Xây dựng trạm xử lý tập trung tại khu đô thị cửa khẩu Hoàn Mô, công suất 2.200 m³/ngày, quy mô đất đai 0,5 ha.

Chất thải rắn sinh hoạt, công cộng, thương mại dịch vụ khoảng 10 tấn/ngày, chất thải rắn công nghiệp, sản xuất kinh doanh 5,3 tấn/ngày. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom riêng chất thải nguy hại, chất thải vô cơ.

Giai đoạn đầu xử lý tại khu xử lý chất thải rắn chung của huyện Bình Liêu, giai đoạn tương lai chuyển về khu xử lý Đông Ngũ, huyện Tiên Yên được quy hoạch phục vụ cho toàn vùng. Chất thải hữu cơ được phân loại tại nguồn, tái sử dụng một phần, phần còn lại được thu gom chuyển đến khu xử lý chất thải rắn có quy mô 1 ha, bố trí mới tại xã Hoàn Mô. Chất thải vô cơ, nguy hại được đưa đi khu xử lý Đông Ngũ, huyện Tiên Yên.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Ngày 08/5/2014, UBND tỉnh Kon Tum đã có Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Về nguyên tắc, việc quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng phải được thực hiện từ khi chuẩn bị đầu tư cho đến khi hết niên hạn sử dụng công trình và phải tuân theo các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, thành phố, UBND cấp xã, phường, thị trấn đảm bảo nguyên tắc thống nhất, không trái với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Cụ thể, Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước

về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật. Nội dung quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng của Sở Xây dựng bao gồm: Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn UBND cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn; lập kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện và thành phố trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện; phối hợp với Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành,

Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND cấp huyện kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành; thẩm tra thiết kế xây dựng công trình chuyên ngành do Sở Xây dựng quản lý; kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng của chủ đầu tư; phối hợp với Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu lần cuối các công trình xây dựng chuyên ngành; kiểm tra định kỳ, đột xuất, thanh tra sự tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình theo quy định của pháp luật, báo cáo UBND tỉnh; tạm dừng thi công xây dựng công trình trên địa bàn trong trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; hướng dẫn chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình giải quyết sự cố công trình, theo dõi, tổng hợp và báo cáo tình hình sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn công tác bảo trì công trình xây dựng; kiểm tra, thanh tra điều kiện năng lực và hoạt động của các tổ chức tư vấn hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh, báo cáo kết quả kiểm tra, thanh tra và kiến nghị xử lý vi phạm với cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng danh sách những đơn vị, cá nhân vi phạm điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định; hướng dẫn và chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện công tác kiểm định về chất lượng của công trình xây dựng để giúp cơ quan quản lý Nhà nước các cấp xử lý sự việc như cải tạo sửa chữa, chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra về chất lượng công trình xây dựng. Giúp UBND tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại Điều 39 và điểm d khoản 2 Điều 45 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về

tình hình sự cố trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm và đột xuất, báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động trên địa bàn.

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng công trình và chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh do đơn vị mình quản lý, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm về chất lượng công trình, xây dựng sai với nội dung giấy phép xây dựng hoặc quy hoạch chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; thẩm tra thiết kế công trình xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu lần cuối các công trình chuyên ngành, phối hợp với Sở Xây dựng để tổ chức giám định chất lượng công trình chuyên ngành khi được yêu cầu tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn định kỳ hàng năm và đột xuất. Xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

Ngoài ra, Quy định này cũng nêu rõ trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng của UBND cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.kontum.gov.vn)

Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Ngày 26/6/2014, UBND tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Về nguyên tắc, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được xác định trong quy hoạch, được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm cảnh quan và môi trường. Tổ chức, cá nhân sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng theo quy định. Chủ đầu tư các đô thị, khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp, các khu chức năng, các tuyến đường phố xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng có trách nhiệm đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để bố trí, lắp đặt các đường dây và đường ống kỹ thuật theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lắp đặt, bố trí các đường dây, cáp và đường ống mới vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng phải có các giải pháp bảo đảm sự hoạt động bình thường của hệ thống đã có. Các loại đường dây, cáp và đường ống bố trí, lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định. Việc quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về kỹ thuật, bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị và được thực hiện thông qua hợp đồng quản lý vận hành. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi xây dựng

hoàn thành phải được lưu trữ hồ sơ đảm bảo các thành phần theo Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17/8/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị và các quy định của pháp luật về lưu trữ.

Theo Quy định này, các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động có liên quan đến quy hoạch, thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tuân thủ theo quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình. Trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cho phép áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài. Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Đối với các đô thị mới và khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp, công trình giao thông, các dự án đầu tư xây dựng khác, phải đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đảm bảo tính đồng bộ theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt. Chủ đầu tư các dự án trên có trách nhiệm bố trí mặt bằng để các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung. Chủ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật. Đối với các đô thị hiện hữu, trường hợp đã có các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cho việc sử dụng chung thì không được xây dựng hệ thống đường dây, đường ống kỹ thuật mới mà phải phối hợp sử

dụng chung cơ sở hạ tầng với các công trình hạ tầng kỹ thuật sẵn có. Trường hợp khác, UBND cấp huyện theo phân cấp quản lý phải có kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung. Đối với các khu vực khác, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nhằm bảo đảm kết nối, khả năng khai thác, sử dụng thuận lợi và an toàn. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo các hình thức đầu tư phù hợp và có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải được bảo trì theo quy định của Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng, Thông tư số 02/2012/TT-BXD ngày 12/6/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và các quy định khác có liên quan. Công trình hào và tuyen kỹ thuật phải thực hiện chế độ bảo trì thường xuyên và định kỳ, công trình đường dây, đường cáp, đường ống và công trình cầu, hầm, đường đô thị phải thực hiện chế độ bảo trì định kỳ. Khi thực hiện công tác bảo trì phải chú ý kiểm tra nghiêm ngặt hệ thống đấu nối công trình, phải đảm bảo các quy định về phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, việc lựa chọn đơn vị quản lý vận hành tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành. Các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trực tiếp quản lý vận hành hoặc thuê đơn vị quản lý vận hành thông qua hợp đồng quản lý vận hành.

Theo Quy định này, trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu trong việc quản lý sử dụng

chung công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Tổ chức, lựa chọn đơn vị quản lý vận hành và ký hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định hiện hành; trực tiếp hoặc ủy quyền cho đơn vị quản lý vận hành ký hợp đồng sử dụng với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; thực hiện quyền và trách nhiệm đối với đơn vị quản lý vận hành, với các tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng sử dụng đã ký kết; lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; yêu cầu đơn vị quản lý vận hành xây dựng, quản lý công trình dữ liệu và cung cấp thông tin về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định; đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Đơn vị quản lý vận hành phải có đội ngũ cán bộ và công nhân đủ năng lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý vận hành; thực hiện quyền và trách nhiệm đối với chủ sở hữu, với các tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng sử dụng đã ký kết; tuân thủ quy định về quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; xây dựng, ban hành cụ thể quy trình quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được giao quản lý. Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung. Xử lý sự cố đồng thời có trách nhiệm thông báo kịp thời cho các bên liên quan để cùng phối hợp xử lý, khắc phục.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.binhduong.gov.vn)

**Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh
Thái Bình ban hành Quy định về tổ chức lập,
thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố
quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu
trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

Ngày 30/6/2014, UBND tỉnh Thái Bình đã có Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Theo Quy định này, về nguyên tắc, khi lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất. Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện, thành phố, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng thuộc tỉnh phải đảm bảo tính thống nhất. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội phải đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh. Các Sở, ngành, địa phương, các cơ quan chức năng có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ, cung cấp những thông tin cần thiết cho cơ quan lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cần kết hợp chặt chẽ giữa hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, giữa yêu cầu trước mắt với lâu dài; gắn hiệu quả bộ phận với hiệu quả tổng thể, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Ngoài ra, còn phải bảo đảm tính khoa học, tiên tiến, liên tục và kế thừa, dựa trên các kết quả điều tra cơ bản, các định mức kinh tế - kỹ thuật, các tiêu

chí, chỉ tiêu có liên quan để xây dựng quy hoạch; phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu lập cho thời kỳ 10 năm, có tầm nhìn từ 15 - 20 năm và thể hiện cho từng giai đoạn 5 năm. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu được rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

Vào năm cuối của giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố xây dựng, trình HĐND, UBND tỉnh phê duyệt danh mục các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu cần lập trong 5 năm kế hoạch tiếp theo. Hàng năm, cùng với thời kỳ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, căn cứ nhu cầu lập mới hoặc rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và danh mục kế hoạch quy hoạch 5 năm, các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố xây dựng kế hoạch lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu cho năm sau gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh thông qua, trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hỗ trợ vốn theo quy định.

Căn cứ Nghị quyết HĐND tỉnh, UBND tỉnh phê duyệt dự toán chi cho công tác lập quy

hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ kinh phí lập quy hoạch chi tiết tới từng danh mục để triển khai thực hiện. Kinh phí cho công tác lập và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu được cân đối trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và của UBND tỉnh.

Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm xây dựng đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, dự toán kinh phí và trình phê duyệt theo quy định. Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch của dự án quy hoạch gồm các nội dung chính như sau: Tên dự án quy hoạch; sự cần thiết, tính cấp bách và ý nghĩa thực tiễn của quy hoạch; các căn cứ để lập quy hoạch; phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch; mục tiêu, yêu cầu và các vấn đề chính cần giải quyết của dự án quy hoạch; các nội dung chủ yếu của các loại quy hoạch tương ứng theo quy định; các yêu cầu về hồ sơ sản phẩm của dự án quy hoạch; yêu cầu về tiến độ; trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình xây dựng dự

án quy hoạch.

UBND tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí đối với các dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền, cụ thể: Việc thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thực hiện theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định. Việc thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện, thành phố; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng thuộc tỉnh; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của tỉnh thực hiện theo hình thức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan có liên quan; trong đó phải có ý kiến của Bộ quản lý ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính (đối với các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện, thành phố; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng thuộc tỉnh).

(Xem toàn văn tại www.thaibinh.gov.vn)

Nghiệm thu Nhiệm vụ “Điều tra, khảo sát xây dựng Đề án phát triển các đô thị ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng”

Ngày 01/7/2014, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu Nhiệm vụ “Điều tra, khảo sát xây dựng Đề án phát triển các đô thị ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng” do Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm tác giả, TS. Trần Lan Anh - Phó Cục trưởng Cục Phát triển đô thị đã báo cáo tóm tắt nội dung và các kết quả đạt được trong quá trình triển khai thực hiện Nhiệm vụ. Theo đó, trong những năm gần đây, cùng với sự tăng trưởng ổn định của nền kinh tế, tốc độ đô thị hóa của Việt Nam cũng diễn ra nhanh chóng. Tuy nhiên, phát triển đô thị của nước ta đang được cảnh báo chịu ảnh hưởng rất nhiều của biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng. Để có thể giữ vững đà tăng trưởng kinh tế xã hội trong thời kỳ hội nhập, phát triển đô thị trong bối cảnh BĐKH diễn ra trên toàn cầu, sự phát triển các đô thị Việt Nam cần có kế hoạch, quy hoạch và các giải pháp cơ bản nhằm nâng cao khả năng thích ứng với BĐKH, dự báo được các kịch bản rủi ro, thiệt hại, tự trang bị các khả năng chống chịu với BĐKH và nước biển dâng. Năm 2008, Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó BĐKH. Và trên cơ sở kịch bản về BĐKH tại Việt Nam do Bộ Tài nguyên Môi trường đưa ra vào tháng 6/2009, Bộ Xây dựng đã phối hợp cùng các Bộ, ngành, địa phương xây dựng chương trình hành động ứng phó BĐKH. Mục tiêu của Nhiệm vụ là đánh giá tổng quan tình hình phát triển hệ thống đô thị ven biển ứng phó với BĐKH và nước biển dâng; từ đó tạo tiền đề cho việc xây dựng Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó BĐKH



ThS. Trần Đình Thái chủ trì cuộc họp

giai đoạn 2013 - 2020 (Đề án đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013).

Theo báo cáo, Nhiệm vụ được xây dựng theo hai giai đoạn. Ở giai đoạn I, nhóm tác giả đã tiến hành nghiên cứu 03 đô thị ven biển điển hình là Hải Phòng, Nha Trang, Cà Mau. Đây là các đô thị có tính đặc thù (đô thị du lịch, đô thị công nghiệp) đang phát triển có nguy cơ chịu ảnh hưởng từ BĐKH; Ở giai đoạn II, đã mở rộng khảo sát và nghiên cứu tại 03 tỉnh Quảng Ninh (Vân Đồn), Bà Rịa - Vũng Tàu (Tp. Vũng Tàu), Kiên Giang (Hà Tiên, Rạch Giá). Nhóm nghiên cứu đã đưa ra được các báo cáo tổng hợp về diễn biến và các tác động của BĐKH tới từng địa phương, đánh giá tình hình hoạt động của địa phương nhằm ứng phó BĐKH, đề xuất một số giải pháp phù hợp cho các địa phương trong công tác ứng phó BĐKH. Nhóm đã đề xuất xây dựng cơ sở dữ liệu thành công cụ đánh giá; hình thành bản đồ cảnh báo rủi ro BĐKH và nước biển dâng cho khoảng 20 đô thị có nguy cơ ngập nặng, đồng thời triển khai nhân rộng cho toàn bộ hệ thống đô thị ven biển và vùng ĐBSCL; xây dựng Atlas đô thị lồng ghép tích

hợp các quy hoạch và chương trình dự án phát triển đô thị (giai đoạn đầu xây dựng thí điểm tại một số đô thị lớn như Tp. Hồ Chí Minh; sau đó mở rộng xây dựng Atlas cho nhóm các đô thị có nguy cơ ngập và chịu tác động của lũ quét, BĐKH bất thường (chủ yếu là các đô thị loại III).

Ý kiến của Vụ Kế hoạch Tài chính, Cục Hạ tầng Kỹ thuật - Bộ Xây dựng và một số ban ngành liên quan đều nhất trí Nhiệm vụ đã được thực hiện rất khoa học, đạt được những kết quả ấn tượng, là sự đóng góp hữu ích đối với việc nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu, thông qua

đó xây dựng chương trình tổng thể phát triển đô thị nói chung, và hệ thống đô thị ven biển nói riêng ứng phó BĐKH và nước biển dâng.

Đồng tình với các ý kiến của các thành viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng Trần Đình Thái đánh giá cao sự tích cực của nhóm tác giả, nhất trí nghiệm thu Nhiệm vụ, đồng thời lưu ý nhóm hoàn thiện 02 bộ sản phẩm tách biệt, với các nội dung bám sát đề cương chi tiết đã được thông qua.

Lệ Minh

Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu công nghệ chế tạo xi măng alumin CA50 từ nguồn nguyên liệu trong nước”

Ngày 03/7/2014, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu công nghệ chế tạo xi măng alumin CA50 từ nguồn nguyên liệu trong nước” - mã số RD 113-13 do TS. Lưu Thị Hồng - Viện Vật liệu Xây dựng, Bộ Xây dựng làm chủ nhiệm. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của chủ nhiệm đề tài, xi măng alumin đã được nhiều nước nghiên cứu sản xuất và cung cấp trên thị trường thế giới với hàm lượng oxit nhôm từ 25 - 80% trong thành phần. Đây là loại xi măng được ứng dụng để chế tạo bê tông bền sunfat, bê tông đóng rắn nhanh, bê tông dự ứng lực, bê tông chịu lửa... Cho tới nay, Việt Nam vẫn chưa sản xuất xi măng alumin thương phẩm do thiếu nguồn nguyên liệu giàu nhôm, công nghệ sản xuất bằng điện chày khó, lại tiêu hao nhiều năng lượng. Tuy vậy, những năm gần đây, thị trường vật liệu xây dựng Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhu cầu sử dụng xi măng alumin tăng cao. Mặt khác, nguồn nguyên liệu để sản xuất sản phẩm này hiện nay tương đối phong phú và sẵn có trong nước - hydroxit nhôm của



ThS. Trần Đình Thái - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu phát biểu kết luận cuộc họp

nhà máy hóa chất Tân Bình, oxit nhôm của nhà máy Tân Giai và Nhân Cơ. Ngoài ra, phế thải của ngành công nghiệp nhôm tấm (xấp xỉ 200 nghìn tấn/ năm) cũng có thể sử dụng làm nguyên liệu cao nhôm để sản xuất xi măng alumin. Việc nghiên cứu đề tài sẽ kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tế trong nước.

Để thực hiện các mục tiêu nghiên cứu, lựa chọn nguyên liệu chứa hàm lượng oxit nhôm từ oxit nhôm công nghiệp và phế thải nhôm, trên cơ sở đó chế tạo xi măng alumin CA50 trong phòng thí nghiệm có tính chất phù hợp các yêu

cầu kỹ thuật quy định trong TCVN 7569:2007, đề xuất quy trình công nghệ sản xuất xi măng alumin CA50 từ nguồn nguyên liệu trong nước - nhóm đề tài đã tiến hành nghiên cứu và thử nghiệm sản xuất với nguyên liệu cung cấp oxit canxi (CaO) là đá vôi xi măng khai thác từ núi Búi (công ty CP xi măng Kiện Khê, Hà Nam); nguyên liệu cung cấp oxit nhôm (Al_2O_3) gồm hidroxit nhôm Tân Bình và phế thải của các nhà máy sản xuất nhôm tấm. Nhóm đã tiến hành lựa chọn phối liệu và tính toán cấp phối, đưa ra các hệ số công nghệ, module phù hợp cho việc tính toán bài phối liệu, có tham khảo thành phần hóa và các hệ số của một số loại xi măng CA50 của Trung Quốc, sau đó áp dụng công nghệ thiêu kết nung mẫu để xác định khả năng tạo khoáng, kết khối của phối liệu và cường độ xi măng alumin. Mẫu sản phẩm thu nhận được có độ chịu lửa tương đương xi măng cùng loại hiện đang nhập khẩu từ Trung Quốc, đồng thời có cường độ nén sau nung ở nhiệt độ 100oC và 1.000oC cũng tương đương và cao hơn so với xi măng nhập khẩu.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá rất cao tính thực tiễn và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật to lớn của Đề tài, khẳng định Đề tài đã hoàn thành các nội dung và mục

tiêu nghiên cứu trong đề cương được phê duyệt. Tuy nhiên, để Đề tài được hoàn thiện hơn, sớm được ứng dụng vào thực tế, Hội đồng đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực về yếu tố công nghệ và một số nội dung chuyên môn như tốc độ đóng rắn của xi măng, nguyên liệu đầu vào và phối liệu...

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu, Chủ tịch Hội đồng - ThS. Trần Đình Thái đã biểu dương những nỗ lực của nhóm đề tài để hoàn thành công việc; đặc biệt trong bối cảnh kinh tế - chính trị của nước ta hiện nay, thành quả của đề tài (nghiên cứu thành công quy trình công nghệ sản xuất xi măng alumin CA50 sử dụng hoàn toàn nguyên vật liệu trong nước, hạn chế nhập khẩu xi măng thương phẩm) có ý nghĩa rất quan trọng. ThS. Trần Đình Thái cũng lưu ý nhóm tác giả khẩn trương bổ sung, chỉnh sửa báo cáo theo các ý kiến đóng góp của Hội đồng, hết sức chú trọng phân bố cục, văn phong để báo cáo đề tài có tính thuyết phục và tính khoa học cao hơn.

Đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lệ Minh

Nghiệm thu 03 dự thảo tiêu chuẩn về phương pháp thử và phân tích

Ngày 03/7/2014, tại Hà Nội, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp tiến hành nghiệm thu 03 dự thảo tiêu chuẩn: “Đất sét - Phương pháp phân tích hóa học”; “Sản phẩm nhôm sinh khí - Phương pháp thử”; “Xi măng poóc lăng chứa bari - Phương pháp phân tích hóa học” do ThS. Nguyễn Thị Hải Yến và ThS. Tống Thị Hải Liên - Viện Vật liệu Xây dựng làm chủ nhiệm. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng, Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của ThS. Nguyễn Thị Hải Yến

- Chủ trì nhóm nghiên cứu 02 tiêu chuẩn: “Đất sét - Phương pháp phân tích hóa học” và “Sản phẩm nhôm sinh khí - Phương pháp thử”, việc cần phải thực hiện soát xét tiêu chuẩn “Đất sét - Phương pháp phân tích hóa học” xuất phát từ việc tiêu chuẩn này đã được ban hành 10 năm nay và chưa được định kỳ soát xét cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất và theo kịp với tiến bộ khoa học kỹ thuật trên thế giới. Thông qua việc thu thập tài liệu và các thông tin khoa học, dự thảo tiêu chuẩn được biên soạn dưới hình thức tiêu chuẩn quốc gia có nội dung và cách

trình bày phù hợp với các quy định hiện hành. Nội dung kỹ thuật của dự thảo tiêu chuẩn được soát xét đề xuất là những lựa chọn tối ưu nhất dựa trên các kết quả thử nghiệm nghiêm túc, lặp lại, so sánh tại nhiều phòng thí nghiệm trong nước và trên mẫu chuẩn cùng loại ở điều kiện các phòng thí nghiệm hiện có. Cụ thể, đối với phạm vi áp dụng, dự thảo tiêu chuẩn này quy định phương pháp phân tích hóa học để xác định các thành phần chủ yếu trong đất sét; về quy định chung, bổ sung thêm nội dung về dung dịch pha loãng, khối lượng không đổi, đơn vị đo được sử dụng trong toàn bộ tiêu chuẩn; đối với thành phần hóa chất thuốc thử, trong dự thảo tiêu chuẩn sẽ bỏ một số hóa chất không cần thiết hoặc giảm độ nhạy của phép xác định, thay đổi nồng độ của hóa chất, thêm một số hóa chất rắn và hóa chất lỏng có sử dụng.

Đối với dự thảo tiêu chuẩn “Sản phẩm nhôm sinh khí - Phương pháp thử”, cho đến nay, trong hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam chưa có tiêu chuẩn về phân tích hóa để cập đến phương pháp xác định hàm lượng nhôm hoạt tính cũng như tốc độ phản ứng trong môi trường Ca(OH)_2 của bột nhôm. Thông qua việc nghiên cứu các tài liệu trong nước và quốc tế, nhóm dự án đã xây dựng phương pháp phân tích hàm lượng nhôm hoạt tính và tốc độ sinh khí của loại nguyên liệu bột nhôm dùng trong sản xuất bê tông AAC với quy trình phân tích hợp lý, khoa học, dễ áp dụng tại các phòng thí nghiệm trong nước và có tính thống nhất cao, đồng thời tương đồng với các tiêu chuẩn trong nước về nội dung, ngôn từ, cách trình bày tiêu chuẩn theo quy định hiện hành. Về hóa chất thuốc thử, để tra cứu và công tác chuẩn bị phân tích được dễ dàng, dự thảo tiêu chuẩn được trình bày giống như các bản tiêu chuẩn cấp Ngành và cấp Nhà nước đã được ban hành trước đây; về các thiết bị, dụng cụ làm thử nghiệm, để có thể thực hiện phân tích định lượng hàm lượng nhôm hoạt tính và tốc độ phản ứng của bột nhôm trong dung dịch Ca(OH)_2 , ngoài các thiết bị, dụng cụ phân



Toàn cảnh cuộc họp nghiệm thu

tích hóa thông dụng như cân phân tích, tủ sấy, do tính đặc thù của phép xác định, dự thảo tiêu chuẩn còn đề cập nhiều đến các loại thiết bị đo riêng biệt dùng cho các phản ứng định lượng khí và xác định tốc độ phản ứng như kế áp, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây với quy định về độ chính xác của vạch chia, phép đếm với mục đích hạn chế tối đa các sai số mắc phải.

ThS. Tống Thị Hải Liên, Chủ nhiệm Đề tài soát xét tiêu chuẩn “Xi măng poóc lăng chứa bari - Phương pháp phân tích hóa học” đã báo cáo Hội đồng về kết quả nghiên cứu đạt được. Theo báo cáo, kể từ khi được ban hành đến nay, tiêu chuẩn “Xi măng poóc lăng chứa bari - Phương pháp phân tích hóa học” chưa được định kỳ soát xét, sửa đổi cho phù hợp với thực tế sản xuất và tiến bộ kỹ thuật trên thế giới. Thông qua việc nghiên cứu tài liệu, thông tin khoa học, nội dung kỹ thuật của bản tiêu chuẩn đã ban hành, kết hợp với tiến hành nghiên cứu thực nghiệm lặp lại và so sánh, nhóm dự án sẽ thay đổi một số nội dung kỹ thuật trong phép xác định hàm lượng Al_2O_3 , Fe_2O_3 , SiO_2 (hòa tan), cách tách loại các ion cản trở trong phép xác định CaO , MgO và thay đổi cách trình bày để tiêu chuẩn này thành một tiêu chuẩn quốc gia thống nhất, sao cho phù hợp với những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện nay, tương đồng với các tiêu chuẩn trong nước về nội dung, ngôn từ, cách trình bày tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của tiêu chuẩn quốc gia và phù hợp điều

kiện các phòng thí nghiệm trong nước. Về phạm vi áp dụng trong dự thảo tiêu chuẩn này quy định phương pháp phân tích hóa học để xác định các thành phần phần chủ yếu trong xi măng poóc lăng và clanhke xi măng poóc lăng có chứa bari, riêng chỉ tiêu bari oxit trong tiêu chuẩn này có thể áp dụng cho quặng barit; về quy định chung, dự thảo thêm một số nội dung về dung dịch pha loãng, sắp xếp lại các quy định trong phân tích hóa học thành 8 mục nhỏ từ 3.1 đến 3.8 theo đúng như quy định chung của các tiêu chuẩn hóa học mới ban hành.

Các thành viên trong Hội đồng đã đánh giá cao kết quả mà các chủ nhiệm dự thảo thực hiện. Tuy nhiên, cả 03 dự thảo cần chỉnh sửa lại lỗi chính tả, cần thống nhất trong cách đánh số thứ tự và sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành

Chủ tịch Hội đồng ThS. Trần Đình Thái -

Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường đã nhất trí với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng và đề nghị các chủ nhiệm dự thảo tiếp thu và chỉnh sửa. Riêng đối với 02 tiêu chuẩn: Đất sét - Phương pháp phân tích hóa học và Xi măng poóc lăng chứa bari - Phương pháp phân tích hóa học cần bổ sung thêm kích thước cỡ sàng, đối với tiêu chuẩn “Sản phẩm nhôm sinh khí - Phương pháp thử” trước mắt sẽ đổi tên thành “Sản phẩm nhôm dùng cho bê tông khí - Phương pháp thử”, trong quá trình thực hiện sẽ theo dõi, cần thiết sẽ chỉnh sửa lại.

Với kết quả đạt được, 03 dự thảo tiêu chuẩn đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Xuất sắc.

Bích Ngọc

Hội nghị thẩm định Đề án Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 02/7/2014, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án Quy hoạch chung (QHC) đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tham dự Hội nghị có các đại diện của các Bộ, ngành Trung ương và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành - thành viên Hội đồng thẩm định. Về phía lãnh đạo địa phương có Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình Bùi Văn Thắng và đại diện các Sở, ngành của tỉnh Ninh Bình. Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị.

Báo cáo với Hội đồng thẩm định về quá trình lập Đề án, đại diện đơn vị tư vấn (Nikken Sekkei - Nhật Bản) cho biết: Sau khi QHC xây dựng thành phố Ninh Bình được phê duyệt năm 2003, thành phố đã được mở rộng từ quy mô hơn 1.100 ha với số dân khoảng 6,2 vạn người lên hơn 4.600 ha với số dân trên 10 vạn người. Năm 2007, Ninh Bình được công nhận là thành



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị thẩm định

phố trực thuộc tỉnh theo Nghị định số 19/2007/NĐ-CP ngày 07/02/2007 của Chính phủ. Trải qua quá trình không ngừng phấn đấu, đổi thay toàn diện cả về chất và lượng, mới đây, ngày 28/6/2014, thành phố đã được công nhận là đô thị loại II theo Quyết định số 279/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong sự phát triển đô thị nhanh chóng thời gian gần đây, một số

vướng mắc, khó khăn về mặt quản lý quy hoạch đô thị đã nảy sinh. QHC năm 2003 thiếu sự gắn kết chặt chẽ các khu vực đô thị trung tâm với các khu vực phụ cận - đặc biệt khu du lịch sinh thái Tràng An. Việc quản lý đầu tư xây dựng và phát triển vùng nông thôn cận kề thành phố và những khu vực có giá trị du lịch cao như Tràng An, Bái Đính, cố đô Hoa Lư còn nhiều bất cập. Để thực hiện Quyết định số 865/QĐ-TTg ngày 10/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ - theo đó xác định mở rộng không gian thành phố Ninh Bình với hai chức năng chính là thành phố du lịch và đô thị vệ tinh của thủ đô Hà Nội - việc lập QHC đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là rất cần thiết. QHC sẽ góp phần nâng cao năng lực quản lý đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của đô thị Ninh Bình nói riêng và tỉnh Ninh Bình nói chung.

Tên cơ sở rà soát, đánh giá tình hình thực hiện QHC xây dựng thành phố Ninh Bình đã được UBND tỉnh phê duyệt năm 2003, tư vấn đề xuất các yêu cầu, nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị trong giai đoạn mới. Đồ án lần này thể hiện sự gắn kết đô thị Ninh Bình với các khu vực khác của tỉnh Ninh Bình, Vùng Thủ đô Hà Nội, các vùng kinh tế trong khu vực Bắc bộ (vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Duyên hải Bắc bộ) và cả nước, nhằm phát huy tối đa lợi thế về địa lý, điều kiện tự nhiên, truyền thống văn hóa - lịch sử và nguồn lực của đô thị Ninh Bình. Đồ án cũng là sự thể hiện ý tưởng xây dựng đô thị Ninh Bình thành trung tâm lịch sử - văn hóa và du lịch quốc gia có ý nghĩa quốc tế; khai thác tối đa tiềm năng du lịch, cảnh quan tự nhiên (Tam Cốc - Bích Động, Non Nước), đồng thời gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa riêng của địa phương thông qua các Lễ hội (Lễ hội Trường Yên, Lễ hội chùa Bái Đính...) và các làng nghề truyền thống (thêu ren Ninh Hải, chạm khắc đá Ninh Vân...). Trong Đồ án, tư vấn đã xác định phạm vi lập quy hoạch; đánh giá tổng hợp

(SWOT) điều kiện tự nhiên và hiện trạng của Ninh Bình; đề ra các định hướng phát triển không gian đến năm 2030 theo nguyên tắc bố trí - phân chia hiệu quả khu vực đô thị, khu vực du lịch nghỉ dưỡng, khu vực nông thôn, khu công nghiệp, tạo tính đồng bộ cho cảnh quan và tính hiệu quả cho xây dựng, bảo vệ tốt môi trường cho từng khu vực; đưa cảnh quan tự nhiên đặc trưng của Ninh Bình là các dãy núi đá vôi vào trong đô thị. Các định hướng phát triển cơ sở hạ tầng xã hội - kỹ thuật, đặc biệt sự kết nối mạng lưới đường giao thông liên vùng (đường cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 38B và nội đô (trục Thiên Tôn - Hoa Lư, đường Tràng An - Bái Đính...), cũng như phương án thiết kế đô thị, quy hoạch sử dụng đất, đánh giá môi trường chiến lược... đều được tư vấn nêu ra rất chi tiết trong Đồ án.

Đánh giá về nội dung của Đồ án, các báo cáo phản biện của Hội Kiến trúc sư Việt Nam và Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng và ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng đều thống nhất nhận định: Đồ án được nghiên cứu công phu, trình bày rõ ràng, số liệu phong phú, cập nhật; việc phân tích tính chất và động lực phát triển của đô thị Ninh Bình khá sâu sắc; xác định tầm nhìn hợp lý. Một số nội dung như đánh giá hiện trạng tư vấn cần trình bày súc tích hơn; bên cạnh đó, cần kết hợp ứng dụng các phương pháp hiện đại như GIS để việc đánh giá được chính xác, qua đó các định hướng phát triển không gian, hạ tầng cơ sở mới mang tính thuyết phục cao. Một số vấn đề liên quan tới phát triển du lịch, nguồn vốn đầu tư, chỉ tiêu sử dụng đất, các kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu... cũng được đại diện Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên Môi trường đề cập tới trong Hội nghị.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn nhất trí với những nhận xét và đánh giá của Hội đồng, đề nghị tư vấn tiếp thu. Đồng thời Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn cũng lưu ý đơn vị tư vấn cần rút gọn báo cáo

thuyết minh Đồ án; phân tích sâu hơn thể mạnh du lịch của địa phương (cần thể hiện rõ quy hoạch các tuyến, điểm du lịch, các định hướng kiến trúc cho các công trình phục vụ du lịch). Về quy hoạch giao thông, Đồ án cần làm rõ hơn các tuyến đường nào cần mở rộng, chỉnh trang; tuyến nào được giữ nguyên. Về định hướng phát triển không gian, tư vấn nên chú trọng đặc thù của Ninh Bình không chỉ là các dãy núi đá vôi trùng điệp mà có cả không gian mặt nước, với hai con sông chính là sông Đáy, sông Hoàng Long và một số sông nhánh như sông Vân, sông Vạc, sông Sào Khê, sông Chanh, sông Rịa, sông Bến Đàng, từ đó các ý tưởng và đề xuất sẽ phù hợp thực tế hơn, đồng thời tận

dụng và phát huy vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên “sơn thủy hữu tình” hiếm có của vùng đất cố đô. Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị tư vấn phối hợp chặt chẽ với địa phương, tham khảo thêm ý kiến từ các chuyên gia lịch sử - văn hóa để Đồ án đạt chất lượng cao và có sức sống.

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị UBND tỉnh Ninh Bình phối hợp và chỉ đạo đơn vị tư vấn hoàn chỉnh Đồ án theo những ý kiến đóng góp trên; hoàn thành tờ trình và Dự thảo Quyết định phê duyệt trước 15/7/2014 để Bộ Xây dựng có cơ sở trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt QHC trong thời gian tới.

Lệ Minh

CƠ SỞ PHƯƠNG PHÁP - TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THIẾT KẾ CÁC TÒA NHÀ /CÔNG TRÌNH ỨNG DỤNG CẤU KIỆN BẰNG THÉP NHẹ THÀNH MỎNG TẠI LB NGA

Tại LB Nga hiện nay đang hình thành phân khúc nhà công nghiệp khung kim loại - từ khâu thiết kế, sản xuất cho đến xây dựng nhà và các công trình đều thực hiện từ các kết cấu bằng thép nhẹ thành mỏng. Kiểu thiết kế này đã nhanh chóng thu hút sự chú ý và được nhiều công ty, doanh nghiệp chuyên về thiết kế, sản xuất - lắp ráp tại các vùng miền khác nhau của LB Nga áp dụng.

Nhu cầu về công nghệ xây dựng ứng dụng các kết cấu thép nhẹ thành mỏng gia tăng trong những năm gần đây, chủ yếu bởi sự cần thiết phải xây dựng hàng loạt công trình ở, công trình công nghiệp, nông nghiệp và thương mại sau khi phá dỡ các công trình cũ bị sự cố do thiên tai, hỏa hoạn... và một số lý do khác. Nhờ các đặc tính như trọng lượng nhỏ của kết cấu, tốc độ xây dựng nhanh, các mối lắp ghép được thao tác khá đơn giản, vật liệu không bị ẩm mốc..., công nghệ này những năm gần đây đã được áp dụng rộng rãi. Tuy nhiên, cùng với đó tai nạn xảy ra cũng nhiều hơn, khiến niềm tin

của người tiêu dùng vào chất lượng các kết cấu bằng thép nhẹ thành mỏng bị lung lay.

Vấn đề là phần lớn các nhà thiết kế Nga chưa quan tâm đúng mức các đặc điểm tính toán và chế tạo của những kết cấu từ các thanh profile mỏng, trong khi đó một tiêu chuẩn cơ sở hoàn chỉnh trong lĩnh vực này chưa có.

Tính an toàn của các công trình có ứng dụng kết cấu thép nhẹ thành mỏng - trong đó có cả tính an toàn về mặt cơ học - không thể được bảo đảm nếu không có các tiêu chuẩn thiết kế bắt buộc, và cần dựa trên cơ sở các yêu cầu của Luật Liên bang số 384-F3 “Quy định kỹ thuật về tính an toàn của các tòa nhà và các công trình”. Việc thiếu cơ sở phương pháp - tiêu chuẩn quốc gia đối với công tác thiết kế, xây dựng và khai thác an toàn các tòa nhà/công trình ứng dụng các kết cấu thép nhẹ thành mỏng đã được nêu ra từ nhiều năm trước đây. Hiện nay, nếu không có sự nghiên cứu các điều kiện kỹ thuật đặc biệt đối với từng công trình mà hồ sơ thiết kế của công trình đó đang trong quá

trình thẩm định, thì không thể bảo đảm việc khai thác an toàn công trình đó. Và hệ quả tất yếu là việc sử dụng các cấu kiện thép nhẹ thành mỏng tại Nga sẽ bị kìm hãm phát triển.

Do vậy, việc nghiên cứu và hoàn thiện cơ sở phương pháp - tiêu chuẩn thiết kế đối với các kết cấu thép nhẹ thành mỏng là yêu cầu cấp bách, vì tiêu chuẩn cơ bản SNiP P-23-81* "Kết cấu thép" chưa đề cập tới các đặc điểm về mặt tính toán và chế tạo các kết cấu xây dựng từ các thanh thép cán nguội và các thanh profile.

Sắc lệnh số 249 của Bộ Phát triển vùng LB Nga ngày 11/6/2013 đã phê chuẩn kế hoạch tổng hợp cho các công tác nghiên cứu khoa học và xây dựng tiêu chuẩn của Bộ trong giai đoạn từ nay tới năm 2015. Trong đó, Trung tâm Nghiên cứu khoa học kết cấu thép thành mỏng trong xây dựng và đối tác phi thương mại - Tập đoàn Thép của Nga - đã được Bộ chỉ định là những cơ quan chủ trì nghiên cứu bộ tiêu chuẩn "Các kết cấu thép nhẹ thành mỏng từ thanh thép cán nguội và các tấm lợp. Tiêu chuẩn thiết kế". Bộ Phát triển vùng dự định đưa bộ tiêu chuẩn mới vào danh mục các tiêu chuẩn quốc gia và các quy chuẩn ở cấp Liên bang; việc ứng dụng bắt buộc các tiêu chuẩn và quy chuẩn này được bảo đảm tuân thủ các yêu cầu quy định trong Luật số 384-F3 của Liên bang "Quy định kỹ thuật về tính an toàn của các tòa nhà/ công trình". Một tổ công tác đã được thành lập gồm đại diện các viện nghiên cứu, các trường đại học và các công ty thiết kế, các xí nghiệp luyện kim, các cơ sở chuyên sản xuất kết cấu thép nhẹ thành mỏng. Tổ công tác này đã soạn thảo Chương trình tổng quan nghiên cứu bộ tiêu chuẩn "Kết cấu thép từ các thanh profile và các tấm xếp mỏng. Tiêu chuẩn thiết kế" và các văn bản tiêu chuẩn kỹ thuật kèm theo.

Chương trình được thực hiện sẽ bảo đảm chất lượng cao của công tác thiết kế, sản xuất, lắp ghép và khai thác các tòa nhà/công trình được xây dựng từ kết cấu thép nhẹ thành mỏng. Bên cạnh đó, Chương trình còn bảo đảm khả

năng tiến hành thẩm định các dự án mà không phát sinh thêm chi phí dành cho các điều kiện kỹ thuật đặc biệt đối với mỗi công trình; mở rộng phạm vi ứng dụng các công nghệ kết cấu thép mỏng nhẹ tại vùng cực Bắc và tại những khu vực tương đương; gia tăng khối lượng lắp ghép các tòa nhà/công trình từ kết cấu thép nhẹ thành mỏng đạt độ an toàn, tin cậy và tuổi thọ cao.

Trong quá trình nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn, các chuyên gia đã tiến hành phân tích các văn bản hướng dẫn và các tiêu chuẩn của Nga cũng như quốc tế, nhằm đưa các tính toán cơ bản đối với kết cấu bằng thanh profile mỏng vào nội dung của văn bản mới.

Do tính cấp thiết cũng như ý nghĩa của Chương trình đối với người tiêu dùng có nhu cầu sử dụng các sản phẩm từ kết cấu thép nhẹ thành mỏng, nhiều tập đoàn luyện kim, các nhà máy sản xuất kết cấu thép nhẹ thành mỏng, các cơ quan bảo hiểm, cơ quan tài chính, các doanh nghiệp xây dựng đã rất tích cực tham gia thực hiện Chương trình.

Chương trình xem xét việc tiến hành các thẩm định, phân tích kết quả và các nghiên cứu bảng biểu nhằm đưa bảng biểu vào các phần phụ lục cho văn bản chính của bộ tiêu chuẩn, nghiên cứu các phương pháp tính toán các kết cấu rời, nghiên cứu các tiêu chuẩn GOST (như những văn bản cơ sở dành cho các quy chuẩn và tiêu chuẩn), và các khuyến cáo đối với các nhà thiết kế với các ví dụ thực tế về tính toán.

Trong bối cảnh sự phát triển nền kinh tế nói chung và lĩnh vực xây dựng nói riêng trên toàn thế giới, cấu kiện bằng thép nhẹ thành mỏng có viễn cảnh phát triển mạnh mẽ, với rất nhiều công trình lớn bằng thép được xây dựng. Sản lượng thép của thế giới được dự báo sẽ tăng đột biến trong một vài năm tới đây. Các định hướng phát triển trong tương lai của các kết cấu này tại Nga được khái quát trong Chương trình như sau:

- Các khung nhà tiền chế của các công trình xây dựng phục vụ ngành công nghiệp;
- Kết cấu thép nhẹ, bao gồm kết cấu thành

mỏng tạo hình nguội, kết cấu hợp kim nhôm, kết cấu hỗn hợp bê tông cốt thép và thép;

- Các nhà thấp tầng trong các công trình dân dụng;

- Kết cấu sử dụng thép ống, bao gồm cả giàn không gian;

- Kết cấu nhà cao tầng.

Một hệ thống kết cấu thông dụng nhất hiện nay là hệ thống nhà tiền chế, xuất phát từ trường phái Metal Building System của Mỹ. Hệ thống này phát triển dựa trên cơ sở các yêu cầu hợp lý hóa toàn diện về thiết kế, chế tạo và lắp dựng từng hạng mục, từng công trình nhất định. Do đó, cần tiêu chuẩn hóa trong thiết kế tổng thể, thiết kế chi tiết và chế tạo, ứng dụng rộng rãi tin học trong thiết kế và sản xuất. Tin học hỗ trợ việc thành lập cơ sở thông tin đầy đủ nhất về các công trình ứng dụng kết cấu thép nhẹ thành mỏng, giúp phân tích và xử lý các tình huống nhằm tối thiểu hóa các tai nạn, rủi ro trong xây dựng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin bảo đảm cập nhật tối đa các văn bản tiêu chuẩn cũng như các giải pháp đối với

nhiệm vụ hàng đầu của các nhà thiết kế đối với các công trình ứng dụng kết cấu này.

Trong khuôn khổ thực hiện Chương trình, việc nghiên cứu rà soát các văn bản tiêu chuẩn sau đây cũng được thực hiện: GOST “Thanh thép cán nguội cho xây dựng. Phân loại”, GOST “Thanh thép cán nguội cho xây dựng. Các yêu cầu kỹ thuật”, phần 4 Hướng dẫn thiết kế các kết cấu kim loại - tài liệu dành cho cấu kiện bằng thép nhẹ thành mỏng. Việc hoàn chỉnh bộ tiêu chuẩn về kết cấu thép nhẹ thành mỏng trong năm 2014 sẽ là bước đầu tiên trong quá trình hiện thực hóa Chương trình, đồng thời mở ra hướng đi để ứng dụng rộng rãi kết cấu này vào xây dựng trên cơ sở các phương pháp - tiêu chuẩn mới.

Presniakov.N.I.

Nguồn: Tạp chí Quy đạo Xây dựng Nga tháng 10/2013

ND: Lê Minh

Nghiên cứu kỹ thuật cải tạo, phòng chống tai họa cho các công trình cũ tại đô thị ở Trung Quốc

Cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và sự phát triển không ngừng của xã hội, con người ngày càng có yêu cầu cao hơn đối với khả năng phòng chống tai họa cho các công trình. Điều này cũng cảnh tỉnh các nhà xây dựng về việc tiến hành cải tạo kỹ thuật hợp lý đối với khả năng phòng chống tai họa của các công trình cũ tại đô thị nhằm nâng cao tính an toàn khi sử dụng công trình.

1. Thảm họa địa chấn

Thảm họa địa chấn gây ra những hậu quả đau thương, nguyên nhân chủ yếu là sự sụp đổ của các công trình xây dựng. Nguyên nhân gây sụp đổ các công trình là do tiêu chuẩn thiết kế phòng chống động đất của các công trình từ

trước năm 2008 khá thấp. Tháng 10/2008, Trung Quốc đã ban hành tiêu chuẩn “Thiết kế phòng chống động đất cho công trình xây dựng 2001 (Bản năm 2008)” và “Quy phạm thiết kế phòng chống động đất cho công trình” GB50011 - 2010.

Thông qua điều tra nghiên cứu đối với các công trình cũ có tình trạng khác nhau, có thể lựa chọn các biện pháp khác nhau để tiến hành gia cố chống động đất.

- Sử dụng thiết bị giảm chấn, đệm kháng chấn, tường kháng chấn... đối với toàn bộ công trình cũ có tính năng kháng chấn kém;

- Thay đổi hệ kết cấu xây gạch tại các công trình cũ thành hệ kết cấu khung bê tông cốt

thép, kết cấu hỗn hợp bê tông cốt thép;

- Sử dụng vữa xi măng cùng lưới cốt thép hoặc bê tông, trát vữa polyme thép sợi hoặc dùng kết cấu keo dính vật liệu sợi phức hợp để gia cố kết cấu tường xây gạch của các công trình cũ.

- Đối với các cấu kiện bê tông không đủ khả năng chịu tải, có thể gia cường bằng thép tấm, vải sợi cacbon, thêm lớp vữa polyme thép sợi phủ lên bề mặt bê tông...

- Trong trường hợp tẩm sàn của công trình cũ là tẩm chế sẵn, nên chống thêm lớp bê tông cốt thép lên trên tẩm chế sẵn, hình thành sàn lắp ráp hoàn chỉnh.

2. Hỏa hoạn

Tại các đô thị, việc phòng chống hỏa hoạn cho các công trình trên mặt đất và công trình ngầm là hết sức cần thiết.

2.1. Nguyên nhân gây ra hỏa hoạn trong các công trình

Có nhiều nguyên nhân gây ra hỏa hoạn trong các công trình, ví dụ như:

- Bất cẩn khi sử dụng lửa trong sinh hoạt và sản xuất. Tại Trung Quốc, đa số các vụ hỏa hoạn tại các hộ gia đình ở đô thị và nông thôn đều là do bất cẩn trong sử dụng lửa.

- Vi phạm chế độ an toàn sản xuất.

- Việc thiết kế, lắp đặt, sử dụng và bảo trì các thiết bị điện không hợp lý. Nguyên nhân gây ra hỏa hoạn do thiết bị điện chủ yếu là hiện tượng thiết bị điện bị quá tải, các đầu nối dây điện tiếp xúc không tốt, các thiết bị chiếu sáng bố trí sử dụng không đúng.

- Hỏa hoạn do các hiện tượng tự nhiên, chủ yếu có: sét, tĩnh điện, động đất.

- Phóng hỏa.

- Bố cục công trình không hợp lý, lựa chọn sai vật liệu xây dựng.

2.2. Biện pháp nâng cao tính năng phòng cháy cho các công trình cũ

- Bố cục công trình hợp lý đồng thời xem xét các nhân tố ảnh hưởng tới sự lây lan của hỏa hoạn như hướng gió, địa thế...

- Về phương diện cấu tạo công trình, vật liệu hoàn thiện, nên lựa chọn các cấu kiến khó cháy nhằm giảm thiểu khả năng phát sinh hỏa hoạn.

- Độ rộng sơ tán của cầu thang, độ rộng sơ tán của các hành lang tại các công trình công cộng cũ, các công trình phổ thông không đủ. Thông qua cải tạo, cần tăng thêm cầu thang thoát hiểm để giải quyết vấn đề này, đồng thời rút ngắn khoảng cách tới cửa thoát an toàn.

- Thông qua bịt gian cầu thang và thêm cửa chống cháy cấp A để cải thiện hiện tượng khói và lửa bao phủ.

- Nâng cao khả năng chống cháy cho các công trình công cộng. Tại không gian tập trung nhiều người như hành lang và tầng ngầm của công trình công cộng cần tăng thêm hệ thống phun nước tự động.

- Đối với các trung tâm thương mại ngầm quy mô lớn cần tiến hành cải tạo tăng cường sơ tán chống cháy đặc biệt.

- Tăng hệ thống cảnh báo cháy tự động, lắp đặt thiết bị dập lửa tự động, thiết bị chiếu sáng khẩn cấp, thiết bị loại khói khẩn cấp tại các công trình công cộng cũ; mỗi ngày và mỗi đêm đều phải có nhân viên kiểm tra an toàn; tăng hệ thống chỉ thị và cấp cứu sơ tán an toàn; cơ quan chức năng xã hội cần phổ cập các phương pháp thoát nạn từ cấp tiểu học đồng thời tăng cường giáo dục kiến thức an toàn cho quần chúng nhân dân.

3. Thảm họa gió

Phương thức chính mà gió gây tai họa gồm có: Gió lớn, sóng lớn, triều cường, mưa bão. Đối tượng phá hoại của gió chủ yếu là công trình xây dựng, hệ thống cảnh quan môi trường, kè bảo vệ bờ biển...

Việc cải tạo phòng chống tai họa do gió cho các công trình cũ thường sử dụng những biện pháp kỹ thuật sau:

- Nâng cao năng lực kháng gió cho tòa nhà/công trình.

- Nâng cao năng lực kháng gió cho các kết cấu cũ.

- Coi trọng việc gia cố các biển quảng cáo, biển chỉ dẫn.

4. Thảm họa sét

Sự phá hoại của sét bao gồm: nổ, hỏa hoạn, điện giật, phá hoại thiết bị và cơ sở hạ tầng, sự cố mất điện. Đối với việc phòng chống sét cho công trình, có thể lựa chọn các biện pháp hiệu quả sau:

- Chống sét trực tiếp bằng các biện pháp phổ biến như kim thu sét, dây thu sét, dải thu sét,...

- Đối với công trình cụ thể cần căn cứ hệ thống cụ thể và tình hình thực tế của hệ thống chống sét trong công trình để ứng dụng linh hoạt, lựa chọn biện pháp cụ thể, xây dựng nên một hệ thống phòng hộ hoàn chỉnh.

5. Kết luận

Năng lực phòng chống tai họa cho các công trình đô thị là một trong những tiêu chí đánh giá sự văn minh, chất lượng và trình độ khoa học kỹ thuật của đô thị, tìm tòi những phương án kỹ thuật cải tạo phòng chống tai họa cho các công trình cũ tại đô thị là trách nhiệm của các nhà xây dựng, để làm được điều này, việc kiên trì và nỗ lực nghiên cứu, xây dựng các phương án kỹ thuật hiệu quả để cải tạo các công trình đô thị là hết sức quan trọng.

Vương Tử Quân

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 7/2014

ND: Kim Nhạn

Các Chương trình nhà ở và chất lượng cuộc sống tại các khu vực đô thị hóa ở Liên bang Nga

Trước ngưỡng cửa Thế kỷ XXI, các nghiên cứu thực nghiệm đã khẳng định có sự thay đổi về các thông số môi trường so với trước đây và những thay đổi đó là không thể đảo ngược. Điều đó dẫn đến sự xuất hiện ngày càng thường xuyên hơn các cuộc khủng hoảng và thảm họa sinh thái trên phạm vi khu vực và toàn cầu. Sự xuống cấp của môi trường thiên nhiên ảnh hưởng đến chất lượng sống của dân cư tại các khu vực đang đô thị hóa, tốc độ phát triển kinh tế và xã hội của cộng đồng, nhưng trước hết ảnh hưởng đến sức khỏe và quỹ gien của con người.

Tại văn bản Quan điểm phát triển dài hạn kinh tế - xã hội Liên bang Nga, Đề án quốc gia "Nhà ở tiện nghi và phù hợp khả năng kinh tế cho người dân Nga" và các chương trình nhà ở khác đang được triển khai thực hiện đã nêu ra các chỉ tiêu về chất lượng và số lượng cần đạt được. Tuy nhiên, các chỉ tiêu đó như trước đây vẫn không đạt được. Nếu phân tích cơ cấu các công trình bất động sản được xây dựng trong

khuôn khổ các chương trình nêu trên xét về giá trị xã hội và cộng đồng, đặc biệt là các công trình được xây dựng tại các vùng ở Liên bang Nga thì có thể thấy rằng các nguyên tắc nền tảng của các chương trình đó và các cơ chế thực hiện chương trình còn thiếu hiệu quả hoặc tập trung vào việc đạt được những kết quả trái ngược với quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ nêu trong chương trình. Trước hết, điều đó liên quan đến việc đạt các chỉ tiêu chỉ báo quan trọng nhất của các chương trình nhà ở và các chương trình nhằm bảo đảm sự an toàn, chất lượng và tiện nghi cho môi trường sống.

Một trong những nguyên nhân làm nảy sinh các vấn đề sinh thái và xã hội, các nguy cơ sinh thái đang ngày càng nghiêm trọng hơn và các yếu tố rủi ro trong nước là trạng thái tinh thần - luân lý của dân cư mà hậu quả của tình trạng đó là các phương thức sản xuất và phân phối nguồn lực đang được áp dụng hiện nay. Trên cơ sở các quan điểm nêu trên, sau đây chúng ta sẽ xem xét các chính sách đang được thực hiện

trong phát triển nhà ở và đô thị thông qua phương pháp luận và các nguyên tắc được nêu tại quan điểm về xây dựng các đô thị hòa hợp với sinh quyển và tạo điều kiện cho sự phát triển con người do Viện Hàn lâm kiến trúc và xây dựng Nga đề xuất trong một vài năm vừa qua. Phương pháp luận cũng đã được đưa vào chương trình đào tạo kiến trúc sư và chuyên gia xây dựng tại một số trường đại học ở nước Nga. Khái niệm đô thị hòa hợp với sinh quyển không dựa trên cách thức truyền thống trong việc nghiên cứu và áp dụng các công nghệ cũng như sản xuất sản phẩm thông qua sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, mà trước hết đó là khái niệm về một sự phát triển con người và môi trường sống của họ mang đặc tính tiên tiến và kết hợp hài hòa với sự phát triển của sinh quyển. Khái niệm đó hướng tới sự phát triển tổ hợp xây dựng đô thị mà ngay từ đầu đã hướng tới sự đáp ứng các nhu cầu căn bản mang tính chất xã hội của dân cư và bảo đảm an toàn, chất lượng sống, nâng cao tiềm lực của nguồn lực và hệ thống sinh quyển thông qua áp dụng các công nghệ hòa hợp với sinh quyển.

Do vậy, theo Nguyên tắc thứ nhất của lý thuyết phát triển đô thị về sự kết hợp thống nhất đô thị với môi trường thiên nhiên, thì vấn đề chia các công nghệ xây dựng thành công nghệ tiên tiến và công nghệ lạc hậu cần phải được giải quyết trên cơ sở xem xét sự tương tác của công nghệ với cuộc sống cộng sinh của sinh quyển và với các thế hệ con người hiện nay và tương lai. Sự tác động có ý nghĩa tiên tiến này cần phải được tính đến thông qua tiêu chí về sáng chế các sản phẩm mới trên tất cả các giai đoạn như nghiên cứu, thiết kế, xây dựng công trình, tiêu thụ các sản phẩm mới do các kỹ thuật và công nghệ được áp dụng sẽ xuất hiện trong các quá trình khủng hoảng sau này. Đối với các nguyên tắc và cơ chế đang được áp dụng trong các chương trình đang được triển khai thực hiện thì tại đây chỉ nêu ra các chỉ dẫn chung về sự cần thiết phải sử dụng các công nghệ xây dựng

mới, các công nghệ bảo đảm an toàn, tiện nghi và chất lượng sống của dân cư và với ý nghĩa đó các chương trình nêu ra lối sống hướng tới sự sáng tạo và tránh sự hủy hoại.

Nguyên tắc thứ hai nêu ra cách đánh giá về số lượng đối với dấu hiệu sinh thái của hoạt động phát triển đô thị hoặc của cuộc sống của đô thị. Đó là sự bảo đảm mối liên kết giữa các nguồn tài nguyên bị lấy khỏi môi trường thiên nhiên và lượng các loại chất thải được xả vào môi trường thiên nhiên và tình trạng sức khỏe của dân cư, mức sống và trình độ phát triển. Nguyên tắc này còn chưa được thể hiện một cách thực tế trong các chương trình nhà ở đã được phê duyệt và đang triển khai thực hiện. Các nội dung cơ bản của nguyên tắc này được đưa vào các chương trình quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội của nước Nga một cách tản mạn và trên thực tế không ảnh hưởng đến các mục tiêu chỉ báo trong các chương trình nhà ở. Do thiếu sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các chương trình và các biện pháp của chương trình được đề ra nhằm thay đổi một cách tích cực các yếu tố thành phần, như:

- Đối với véc tơ sinh thái trong các khu vực đang đô thị hóa đó là Chương trình mục tiêu quốc gia “An toàn sinh thái đối với nước Nga”;
- Đối với véc tơ sức khỏe của dân cư đó là Đề án ưu tiên quốc gia “Sức khỏe”

- Nhằm bảo đảm khả năng dễ tiếp cận môi trường đô thị đối với nhóm dân cư có thu nhập thấp đó là Chương trình quốc gia Liên bang Nga “Môi trường tiếp cận” cho giai đoạn 2011 - 2015;

Trong quá trình đưa các chỉ tiêu thực tế về sinh quyển của khu vực vào hệ thống quản lý chương trình nhà ở, cần phải thực hiện Nguyên tắc thứ ba - Sự lồng ghép cân bằng của bộ ba các yếu tố (nhân văn) là sinh quyển công nghệ của dân cư; nơi đáp ứng nhu cầu của dân cư và tiềm lực cuộc sống của sinh quyển trên khu vực xung quanh. Hai yếu tố đầu thường thiếu vắng trong các chương trình phát triển đô thị còn yếu tố thứ ba nếu được đưa vào các dự án riêng biệt

trong các chương trình nhà ở thì cũng chỉ được xem như việc áp dụng các “tiêu chí xanh” trong quá trình tổ chức không gian cộng đồng tại các khu vực đang được xây dựng. Còn việc lồng ghép cân bằng của bộ ba các yếu tố nêu trên thì hầu như chưa được thực hiện.

Nguyên tắc thứ tư đòi hỏi sự củng cố về mặt pháp lý và các tiêu chuẩn, định mức đối với sự cân bằng nhân văn hoặc từng bước chuyển sang sự cân bằng này. Hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện có trong lĩnh vực xây dựng được xây dựng về các nhóm an toàn và phân tán trong các cơ quan thanh tra khác nhau và có một số lượng lớn các chỉ tiêu; các chỉ tiêu này định kỳ được bổ sung và sửa đổi tùy thuộc vào sự thay đổi của điều kiện và của chính sách. Điều đó liên quan đến việc điều chỉnh lối sống tại các khu vực đang đô thị hóa như sử dụng đất, cấp thoát nước, năng lượng và tiêu thụ năng lượng, tình trạng không khí,...

Một số lượng tối thiểu các tiêu chí bảo đảm cho sự từng bước chuyển sang sự cân bằng của bộ ba các yếu tố nêu trên và sự phát triển tiến bộ tại các khu vực đang đô thị hóa còn chưa được tính đến về mặt số lượng trong hệ thống các văn bản pháp luật hiện đại.

Nguyên tắc thứ năm cho rằng các chương trình nhà ở cũng như các chương trình phát triển khu vực lãnh thổ khác cần phải được lập dựa trên sự hiểu biết, trí tuệ và tính chuyên nghiệp. Việc quy hoạch cần phải xuất phát từ sự thống nhất giữa đô thị và môi trường thiên nhiên xung quanh. Điều đó có nghĩa là trước hết đô thị cần phải coi thiên nhiên và con người là các bộ phận kết cấu của đô thị, thứ hai mới là việc xây dựng “các mét vuông công trình” và các sản phẩm khác. Nếu xuất phát từ những quan điểm nêu trên để phân tích các chương trình nhà ở của vùng và của cả nước nói chung thì có thể thấy rằng các chương trình đó còn thiếu vắng các biện pháp khuyến khích kinh tế khả thi và các cơ chế đòi hỏi sử dụng kiến thức mới và sản phẩm mới. Nhà đầu tư không thu được lợi

nhuận từ việc nghiên cứu và áp dụng các loại kết cấu xây dựng mới, các công nghệ và vật liệu xây dựng mới do hệ thống “thi chọn” hiện nay trong cấp đất xây dựng công trình, phương pháp thẩm định nhà nước các dự án đầu tư chưa tạo điều kiện thuận lợi cho kỹ thuật mới và công nghệ mới. Thêm vào đó, các trường đại học kỹ thuật, kể cả các trường thuộc ngành xây dựng, đang rơi vào tình trạng: Các kiến thức đào tạo trong trường dù cần thiết với ngành trong tương lai nhưng lại chưa cần thiết với các chuyên gia trong ngành hiện tại. Những kỹ sư có khả năng tư duy sáng tạo đều không đồng thuận với hiện trạng đào tạo cử nhân, thạc sỹ và nghiên cứu sinh. Hiện nay lĩnh vực giáo dục đào tạo - một lĩnh vực của tương lai đất nước, đang phải chịu sự phê phán chẳng khác lĩnh vực nhà ở và công trình công cộng và việc đưa lĩnh vực giáo dục đào tạo ra khỏi sự khủng hoảng mang tính hệ thống sẽ khó khăn hơn là đối với lĩnh vực nhà ở và công trình công cộng.

Các hình thức lập và quản lý các chương trình hiện đại phát triển các vùng lãnh thổ một cách thiếu tính chuyên nghiệp sẽ không cho phép chuyển sang nghiên cứu và áp dụng công nghệ hòa hợp sinh quyển và sẽ làm mất khả năng hoàn thiện công nghệ trong ngành xây dựng và các ngành khác của khu vực kinh tế hiện thực.

Nếu chương trình đã bảo đảm thực hiện được 5 nguyên tắc nêu trên thì có thể chuyển sang Nguyên tắc thứ sáu nhằm đánh giá sự tiến bộ trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chỉ báo của chương trình. Thực tế cho thấy hầu hết các chương trình nhà ở không đạt được các mục tiêu nêu ra. Ví dụ, năm 2012 chỉ tiêu tăng trưởng đầu tư vào vốn cố định so với năm 2007 dự định là 80% - 85%, trên thực tế chỉ đạt 24,3% (theo giá so sánh). Mức bảo đảm nhà ở cho dân cư được dự định nâng lên mức diện tích sử dụng bằng 30 - 35 m²/người (trên thực tế chỉ đạt 23,4 m²/người), mức tiêu thụ năng lượng trong tổng giá trị sản phẩm

trong nước dự định đạt 17% - 19% (trên thực tế đạt 6% - 8%) đối với ngành xây dựng chỉ tiêu này còn đạt mức thấp hơn.

Kết quả đánh giá các chỉ tiêu tổng hợp về sự hòa hợp sinh quyển và việc thực hiện các chức năng của đô thị đối với các khu đô thị mới xây dựng tại thành phố Orl cho thấy, các chỉ tiêu đó đạt mức thấp hơn đến 2,5 lần so với một đô thị nói chung. Tình trạng đó cũng đã xuất hiện tại các đô thị khác thuộc các vùng trung tâm thuộc Liên bang Nga và trên phạm vi cả nước.

Các chỉ tiêu đó và các chỉ tiêu khác nữa không nói lên được sự tiến bộ trong việc phát triển mang tính đổi mới của đô thị và các vùng, sự nâng cao tính ổn định bên trong đô thị và các vùng mà đáng lẽ ra cần phải đạt được từ việc thực hiện Dự án “Nhà ở phù hợp khả năng kinh tế và tiện nghi cho nhân dân Nga”.

Việc đáp ứng các nhu cầu của con người thông qua việc thực hiện các chức năng của đô thị tương ứng với Nguyên tắc bảy chức năng là cơ sở cho quan điểm phát triển đô thị và tương thích với các chương trình nhà ở của đô thị và điểm dân cư. 7 chức năng đô thị nêu trên là: Bảo đảm cuộc sống; giải trí và cảm xúc; cơ cấu chính quyền; thân thiện; học tập và kiến thức; nhận thức về thế giới xét về khoa học và nghệ thuật sáng tạo; sự gắn kết với thiên nhiên. Trong đó, tất cả các chức năng đều là chức năng cơ bản. Các chương trình nhà ở và các chương trình phát triển đô thị thể hiện từng phần cho từng chức năng riêng biệt của đô thị và thường được xác định bởi lợi ích riêng của nhà đầu tư. Không gian chung của đô thị không phải là các lợi ích đó, còn ngân sách địa phương và của vùng thì không đủ khả năng bảo đảm thực hiện được những mục tiêu ưu tiên nêu ra.

Sự đặc biệt nổi bật của cách tiếp cận được đề xuất là ở chỗ nó cho phép đánh giá về số lượng đối với các khái niệm như chất lượng sống, sự an toàn, môi trường thuận lợi và sự tiện nghi. Các chỉ tiêu tổng hợp đã được đề xuất nhằm đánh giá về số lượng kết quả thực hiện

các chức năng của đô thị và “dấu hiệu sinh thái” nảy sinh từ thực hiện các chức năng đó trên vùng lãnh thổ. Sự đánh giá về số lượng cho thấy tại các khu vực mới được thiết kế và xây dựng tại các đô thị vừa và nhỏ của các vùng trung tâm Liên bang Nga, việc bảo đảm thực hiện các chức năng của đô thị được xem là kém hơn so với tại các vùng và đô thị được xây dựng trước đây. Tổ chức không gian công cộng tại khu nhà ở Tây Bắc của thành phố Kursk là một ví dụ. Tiêu chuẩn Liên bang với 0,75 chỗ để xe cho mỗi căn hộ và 30% đất cây xanh tính trên diện tích xây dựng đã không được thực hiện đến một nửa; trong các quy định về xây dựng và sử dụng đất của các địa phương, định mức nêu trên đã bị giảm 1,5 đến 2 lần so với định mức do Liên bang quy định.

Các chỉ tiêu ưu tiên áp dụng cho các khu đô thị tại các đô thị nước Nga là các mét vuông nhà ở bán và vị trí thương mại, đôi khi thiếu các công trình có ý nghĩa quan trọng về mặt xã hội (trường học, khu vực nghỉ ngơi - giải trí cấp vùng, ô phố, các công trình hạ tầng giao thông,...). Khó tưởng tượng được rằng đã sang thế kỷ XXI mà có đô thị còn bàn giao đưa vào sử dụng các ô phố hoàn chỉnh thiếu hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật cần thiết và công trình làm sạch nước như tại ô phố Zarechenskiy tại thành phố Orl.

Chất lượng và sự tiện nghi của môi trường đô thị được xác định bởi Nguyên tắc thứ tám - nguyên tắc về sự tin cậy. Nguyên tắc này đề cập việc đô thị thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua vận dụng kinh nghiệm và truyền thống, sự tự chủ và tự quản, tạo điều kiện cho sự tương tác hài hòa giữa các nhóm người (như các tổ chức công đoàn, các hiệp hội, câu lạc bộ theo các chuyên ngành và lĩnh vực quan tâm thuộc các lĩnh vực xã hội, khoa học - kỹ thuật và văn hóa, các tổ chức dân tộc, tôn giáo và các đảng phái chính trị,...). Các chỉ tiêu quan trọng về mặt xã hội hiện nay còn chưa trở thành bộ phận không thể thiếu trong các chương trình

nhà ở, trong các quy hoạch chung và các dự án cụ thể phát triển đô thị và điểm dân cư.

Cuối cùng là Nguyên tắc thứ chín về sự hòa hợp sinh quyển của đô thị được xem như đứng ở cấp cao nhất so với tất cả các nguyên tắc được giới thiệu trước đó và cần được áp dụng trong xây dựng chính sách. Nguyên tắc này nhằm mục tiêu xây dựng mối quan hệ tương hỗ giữa các nhóm dân cư trong cùng một đô thị, giữa các đô thị với nhau và sử dụng hợp lý các cơ cấu sức mạnh.

Nếu tất cả các nguyên tắc nêu trên được tuân thủ thì có thể khẳng định về sự tiện nghi và môi trường an toàn. Mặc dù trong hai thập niên qua nhiều chương trình nhà ở và các chương trình có ý nghĩa xã hội khác đã được triển khai, tuy nhiên phần lớn các đô thị nước Nga vẫn còn thiếu tiện nghi, chưa an toàn về sinh thái, có chất lượng sống thấp và mức độ tiềm lực con người thấp (như sức khỏe, giáo dục, tinh thần, trí tuệ và nghề nghiệp).

Như vậy, nếu căn cứ khái niệm sự hòa hợp sinh quyển đang được triển khai vào thực tế để phân tích sự phù hợp của tất cả các nguyên tắc với các phương pháp, nội dung và các chỉ tiêu chỉ báo tại các chương trình nhà ở đang được thực hiện trên phạm vi cả nước và ở các vùng, thì có thể thấy rằng khái niệm sự phát triển đô thị hòa hợp với sinh quyển cũng như những kiến thức nghề nghiệp còn chưa được quán triệt đầy đủ. Các chương trình được phê duyệt trên tất cả các cấp, thực tế còn thiếu bản quyền và thiếu các chỉ tiêu được xây dựng có cơ sở luận chứng khoa học về trách nhiệm kinh tế, xã hội và thiếu các cơ chế phù hợp thực tiễn để thực hiện các chương trình đó. Kết quả là các mục tiêu đặt ra đã không đạt được.

Hiện nay, mới chỉ một số lượng rất nhỏ các sản phẩm mới được đưa vào ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng. Tình trạng đó có thể giải thích bằng những lý do như sau: Thiếu sự quản lý bằng pháp luật đối với quá trình ứng dụng sản phẩm mới; hoạt động kinh doanh xây dựng

thiếu sự quan tâm cần thiết đối với ứng dụng sản phẩm mới; sự chênh lệch lớn giữa giá thành và giá sản phẩm xây dựng; các nhà quản lý của ngành còn thiếu tính chuyên nghiệp. Việc thiếu nhu cầu về sản phẩm mới gây nên tình trạng “tạo được lợi nhuận nhưng còn gây thiệt hại cho cộng đồng”.

Dự thảo lý thuyết phát triển đô thị lúc đầu xem xét con đường đổi mới phát triển các vùng và cả nước nói chung, loại trừ con đường nguyên liệu mà dựa trên cái gọi là tái sản xuất mở rộng. Biện pháp này về nguyên tắc không tương thích với thực tế đã được chứng minh và đưa thế giới đến thảm họa sinh thái.

Nguyên tắc phát triển đô thị hòa hợp với sinh quyển trên thực tế thiết lập những mục tiêu ưu tiên và các khái niệm phân cấp, phát hiện các vấn đề trong công tác tổ chức môi trường sống và hoạt động xây dựng, cho phép lồng ghép các mối quan hệ giữa đô thị và thiên nhiên. Đó cũng là nội dung đặc biệt quan trọng đối với việc lập quy hoạch chung, các chương trình và dự án nhà ở và đánh giá về số lượng đối với khả năng mà đô thị cung cấp cho con người sống trong đô thị đó. Tương ứng với những nguyên tắc nêu trên, chỉ các công nghệ có khả năng làm gia tăng tiềm lực sống của sinh quyển mới được xem là “mới”. Các công nghệ hòa hợp sinh quyển lấy bệnh lý học làm cơ sở cho nguồn lực phát triển; các công nghệ đó có khả năng giải quyết những vấn đề kinh tế và sinh thái bức xúc hiện nay. Đối với các công nghệ đó, cái giá trả cho các nguồn lực thiên nhiên được sử dụng cần phải tương ứng với chi phí tái tạo các nguồn lực thiên nhiên đó. Những ví dụ cho các công nghệ này là những công nghệ xây dựng được Viện Hàn lâm kiến trúc và xây dựng Nga nghiên cứu và sưu tập. Những công nghệ đó cho thấy tiềm năng tận dụng chất thải công nghiệp và sinh hoạt, các nguồn nguyên liệu chất lượng thấp và các nguồn nguyên liệu tái tạo trong việc sản xuất ra các loại sản phẩm có chất lượng cao, cạnh tranh được với các loại

sản phẩm truyền thống được sản xuất từ các loại nguyên liệu mà khởi đầu lấy từ thiên nhiên.

Một số ví dụ dưới đây minh chứng cho việc thực hiện những nội dung cơ bản của khái niệm sự hoà hợp với sinh quyển trong quá trình lập chương trình và dự án phát triển tổ hợp đô thị tại các vùng thuộc khu vực trung tâm Liên bang Nga Trong đó, phải kể đến chương trình phát triển ngành công nghiệp xây dựng tỉnh Orlov, dự án dự thi phát triển khu vực lãnh thổ thuộc Công ty TNHH "Agromash" thuộc tỉnh Kursk, dự án tạo ra hệ thống kết cấu sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả quy mô công nghiệp sử dụng cho việc xây dựng nhà ở loại kinh tế và nhà công cộng có ý nghĩa về mặt xã hội tại các đô thị vừa và nhỏ của nước Nga với mức độ an toàn kết cấu cho trước,... Viện Hàn lâm Kiến trúc và Xây dựng Nga đã đề xuất phương pháp luận đánh giá về mặt số lượng đối với chỉ tiêu tổng hợp về sự hòa hợp sinh quyển - hệ số đặc trưng cho mức độ ô nhiễm môi trường đô thị so với tiềm lực đồng hóa của sinh quyển và chỉ tiêu tích hợp thể hiện việc thực hiện các chức năng của đô thị - chỉ tiêu đặc trưng cho vùng lãnh thổ, sự phù hợp của các chức năng đô thị xét về yếu tố thời gian và con người. Các hệ số đó cũng đã được sử dụng thử nghiệm tại quy hoạch chung thành phố Orl, tại các công trình hạ tầng giao thông của thành phố này, trong khuôn khổ đánh giá mức độ phù hợp của nhà công cộng đối với

các nhóm dân cư có thu nhập thấp.

Kết luận

1. Vấn đề nhà ở phù hợp khả năng kinh tế và tiện nghi cho nhân dân Nga vẫn còn nhiều bức xúc mặc dù thời gian qua Chính phủ Liên bang đã phê duyệt Chương trình Hiện đại hóa ngành Xây dựng.

2. Sự phân tích nêu trên cho thấy sự cần thiết thay đổi các cách tiếp cận về quan điểm - phương pháp luận trong việc xây dựng các phương pháp và trong công tác kế hoạch hóa các cơ chế sinh thái cho sự hình thành nhu cầu về các kiến thức mang tính chuyên nghiệp kể cả việc đưa vào áp dụng các sản phẩm mới trong toàn bộ chu trình kinh tế ở tất cả các giai đoạn: Nghiên cứu, thiết kế, đưa vào sử dụng các công trình xây dựng có ý nghĩa về xã hội, tiêu thụ các sản phẩm có đặc tính mới.

3. Việc xây dựng những cơ chế nêu trên có thể sử dụng các nguyên tắc và phương pháp đánh giá về số lượng đối với hiệu quả của các chương trình phát triển; các chương trình phát triển đó được lập trên cơ sở lý thuyết về sự hòa hợp với sinh quyển của các đô thị và điểm dân cư có khả năng phát triển con người.

V.A. Ilichev

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Công nghiệp và dân dụng, số 2/2014

ND: Huỳnh Phước

Bộ Xây dựng tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng thể chế

Ngày 07/7/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị sơ kết công tác chỉ đạo, điều hành 6 tháng đầu năm 2014, với sự tham dự của các đồng chí lãnh đạo Bộ Xây dựng, các Cục, Vụ, Văn phòng, các đơn vị sự nghiệp và các doanh nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng đến dự và điều hành Hội nghị.

Báo cáo tại Hội nghị về công tác chỉ đạo, điều hành 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2014 của Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang cho biết, ngành Xây dựng bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn những rủi ro, tình hình kinh tế xã hội trong nước thuận lợi hơn nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt sự kiện Trung Quốc ngang nhiên hạ đặt trái phép giàn khoan HD 981 trong vùng biển Việt Nam từ tháng 5 vừa qua đã gây nên những tác động đến nền kinh tế nói chung và ngành Xây dựng nói riêng.

Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, Bộ Xây dựng đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014; nghiêm túc triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp của Chính phủ liên quan đến các lĩnh vực của ngành Xây dựng. Trong đó, Bộ Xây dựng đã tập trung cao độ cho việc hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý nhà nước theo cơ chế thị trường, định hướng XHCN; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch xây dựng; đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường quản lý đầu tư xây dựng; kiểm soát phát triển đô thị



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị

theo quy hoạch và kế hoạch; tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; đẩy mạnh cổ phần hóa, tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ.

Báo cáo của Bộ Xây dựng cũng đánh giá, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ ngành, sự ủng hộ và vào cuộc tích cực của các địa phương cùng với những nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng doanh nghiệp toàn ngành, trong 6 tháng đầu năm 2014, ngành Xây dựng đã đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực: Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của ngành Xây dựng vẫn duy trì được tăng trưởng, góp phần vào những chuyển biến tích cực của nền kinh tế đất nước; Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước được tập trung đẩy mạnh, với những quan điểm, tư tưởng đổi mới có tính đột phá, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ngành Xây dựng; Công tác quản lý đầu tư xây dựng tiếp tục được tăng cường, góp phần chống lãng phí, thất thoát,



Thủ tướng Cao Lại Quang báo cáo tại Hội nghị

nâng cao hiệu quả đầu tư và chất lượng công trình; Công tác lập quy hoạch xây dựng được tập trung thực hiện, tăng cường quản lý, kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo phát triển đô thị hài hòa, bền vững; Thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân, đặc biệt là người nghèo, người có thu nhập thấp có khó khăn về nhà ở; Tăng cường công tác quản lý vật liệu xây dựng bám sát nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, ổn định thị trường xi măng và đẩy mạnh phát triển vật liệu xây không nung; Tích cực triển khai công tác cổ phần hóa và tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng; Quan tâm các công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe cho người lao động và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế.

Thep báo cáo của Bộ Xây dựng, giá trị sản xuất kinh doanh ngành Xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2014 ước đạt 352.700 tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2013, cao hơn mức tăng trưởng chung GDP và ngành công nghiệp của cả nước; tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt khoảng 33,9%; tỷ lệ dân đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 79%; tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải đô

thị đạt 84%; tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng đô thị đạt 100%, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết 1/2000 đạt trên 70%; số xã nông thôn hoàn thành lập quy hoạch chung đạt 94,05%; Diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt khoảng 19,9m² sàn/người (tăng 0,3m² so với tháng 12/2013), toàn quốc hiện có khoảng 1,3 triệu m² nhà ở xã hội; Tổng sản lượng tiêu thụ xi măng đạt khoảng 32,2 triệu tấn, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2013, đạt 52% kế hoạch năm 2014, xuất khẩu xi măng và clinker đạt 7,6 triệu tấn, tăng 35% so với cùng kỳ năm 2013.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng biểu dương những nỗ lực của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng doanh nghiệp ngành Xây dựng, góp phần giúp Bộ Xây dựng hoàn thành căn bản các mục tiêu nhiệm vụ trong 6 tháng đầu năm 2014.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đặc biệt nhấn mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế. Trong năm 2014, Bộ Xây dựng tiến hành soạn thảo sửa đổi 03 luật đó là Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, trong đó Luật Xây dựng sửa đổi đã được Quốc hội khóa XIII thông qua. Đây là những công cụ pháp lý hết sức căn bản, quan trọng đối với công tác quản lý đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở và thị trường bất động sản của ngành Xây dựng. Trong 6 tháng cuối năm, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo hoàn thiện dự thảo Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản để trình Quốc hội thông qua vào kỳ họp cuối năm, đồng thời hoàn thành trình Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Xây dựng và ban hành các Thông tư hướng dẫn theo thẩm quyền.

Về các nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2014, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng yêu cầu các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng tiếp tục tập trung thực hiện Chương trình hành động của Bộ Xây dựng về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ; Tập trung hoàn

thành các văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch; Tăng cường công tác quản lý hoạt động xây dựng; Hoàn thành các công tác thẩm định quy hoạch vùng Thủ đô, quy hoạch trụ sở các cơ quan Trung ương tại Hà Nội và các đồ án quy hoạch khác của các địa phương; hướng dẫn các địa phương lập quy chế quản lý kiến trúc – quy hoạch, đẩy mạnh công tác lập quy hoạch nông thôn; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng, đặc biệt là các công trình liên quan đến an toàn cộng đồng trong mùa mưa bão (các hồ đập, công trình dạng tháp, cầu treo); Rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn về hạ tầng kỹ thuật; Sửa đổi các định mức chi phí; Tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản theo Nghị

quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, đẩy mạnh các chương trình phát triển nhà ở; Tăng cường quản lý phát triển vật liệu xây dựng và xi măng; Đẩy mạnh tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước, hoàn thành cổ phần hóa theo lộ trình đã phê duyệt, chấn chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp; Đổi mới cơ chế hoạt động của các trường đào tạo, các đơn vị sự nghiệp khoa học.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng bày tỏ tin tưởng, với truyền thống của ngành Xây dựng, với những kết quả công tác đã đạt được trong 6 tháng đầu năm 2014, toàn ngành Xây dựng sẽ đoàn kết, nỗ lực phấn đấu để hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ kế hoạch của cả năm 2014.

Minh Tuấn

Tổng Công ty Viglacera chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần

Ngày 02/7/2014 tại Hà Nội, Tổng Công ty Viglacera đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, và chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần. Đến dự và chứng kiến bước chuyển đổi của TCty Viglacera có Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh - Trưởng ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam và đại diện lãnh đạo các Vụ, Cục chức năng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng.

Tại Đại hội lần thứ nhất, các cổ đông của TCty Viglacera đã thông qua Điều lệ tổ chức, hoạt động của Tổng công ty Viglacera - Công ty cổ phần; bầu các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; thảo luận về kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư 6 tháng cuối năm 2014.

Tại Đại hội, các cổ đông của TCty Viglacera cũng đã nghe đại diện lãnh đạo các cơ quan chức năng của Bộ Xây dựng công bố Quyết định số 2343/QĐ-TTg ngày 02/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Tổng công ty



Đoàn Chủ tịch Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất TCty Viglacera - Công ty cổ phần

Viglacera thành Công ty cổ phần; Quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 24/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh Phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty Viglacera; Văn bản số 1417/BXD-QLDN ngày 24/6/2014 của Bộ Xây dựng về việc thông qua chương trình Đại hội cổ đông lần thứ nhất; Văn bản của Bộ Xây dựng về việc cử người đại diện vốn nhà nước tại TCty Viglacera và giới thiệu nhân sự để Đại hội bầu các thành viên Hội đồng quản trị và Ban



Ông Luyện Công Minh - Chủ tịch Hội đồng thành viên TCTy Viglacera được Bộ Xây dựng giới thiệu để Đại hội bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị TCTy Viglacera - Công ty cổ phần



Các đại biểu và cổ đông dự Đại hội

Kiểm soát.

Theo quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 24/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh Phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty Viglacera, vốn điều lệ của Viglacera là 2.645 tỷ đồng, cổ phần phát hành lần đầu: 264.500.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần. Trong đó, Nhà nước nắm giữ 241.985.262 cổ phần, chiếm 91,48% vốn điều lệ, bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: 1.441.645 cổ phần, chiếm 0,55% vốn điều lệ, bán cho các cổ đông khác 21.073.093 cổ phần, chiếm 7,97% vốn điều lệ.

Thực hiện theo đúng lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng phê duyệt, TCTy Viglacera đã triển khai các quy trình về cổ phần hóa, công bố chào bán lần đầu ra công chúng vào tháng 12/2013 và tổ chức phiên đấu giá cổ phần lần đầu vào tháng 2/2014 với số lượng bán thành công 19,47 triệu cổ phần, tương đương 200,6 tỷ đồng. Mức đấu giá thành công cao nhất là 14.000 đồng/1 cổ phần, mức thấp nhất tương đương giá khởi điểm 10.300đ/1 cổ phần.

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của TCTy Viglacera - Công ty cổ phần, sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, công ty mẹ Viglacera tiếp tục đầu tư phát triển trong các lĩnh vực: vật liệu xây dựng, bất động sản và lĩnh

vực khác. Trong đầu tư kinh doanh bất động sản, sẽ tập trung vào các dự án trọng điểm gồm: các khu đô thị Đặng Xá 2, Xuân Phương, khu nhà ở cao cấp Thăng Long Number One; các dự án nhà thu nhập thấp tại Đặng Xá II, Tây Mỗ, Xuân Phương; Các dự án KCN Yên Phong 1 và 2, Đông Mai, Hải Yên; Các trạm cấp nước sạch và xử lý nước thải tại Yên Phong.

Trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, Viglacera tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm vật liệu xây dựng truyền thống, đồng thời nghiên cứu đầu tư phát triển dự án kính tiết kiệm năng lượng.

Trong suốt 40 năm xây dựng và phát triển, Viglacera đã trải qua nhiều lần thay đổi tên gọi, thay đổi mô hình tổ chức hoạt động, nhưng việc chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần lần này sẽ là bước ngoặt hết sức quan trọng đối với TCTy Viglacera, mang lại cho Viglacera những cơ hội cũng như những thách thức mới. Chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Viglacera có điều kiện để nâng cao năng lực quản trị, mở rộng cơ hội tiếp cận với thị trường vốn và các hình thức huy động vốn đa dạng, nâng cao năng lực tài chính và năng lực sản xuất kinh doanh, là những tiền đề giúp TCTy Viglacera tiếp tục tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

Minh Tuấn

Họp Ban điều phối chung lần thứ nhất của Dự án tăng cường năng lực về quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị tại Việt Nam

Ngày 08/7/2014, tại Hà Nội, Cục Hạ tầng Kỹ thuật - Bộ Xây dựng đã tổ chức buổi họp Ban điều phối chung lần thứ nhất của Dự án tăng cường năng lực về quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị tại Việt Nam. TS. Nguyễn Hồng Tiến, Cục trưởng Cục Hạ tầng Kỹ thuật, BXD chủ trì và điều hành buổi họp.

Tham dự buổi họp còn có đại diện của Sở Xây dựng Hà Nội, Công ty môi trường Đô thị Hà Nội, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và đoàn chuyên gia Jica (Jet).

Theo nội dung báo cáo tại buổi họp, lượng chất thải rắn (CTR) tại Việt Nam đang tăng lên đáng kể và để tìm được địa điểm cho những bãi chôn lấp mới trong những thành phố lớn là rất khó khăn do tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa ngày càng tăng. Do đó, việc xây dựng các bãi chôn lấp được thiết kế và việc giảm thiểu lượng chất thải bằng các biện pháp phân loại tại nguồn, tái chế và xử lý trung gian là khá cấp bách trong thời điểm hiện nay. Bộ Xây dựng là một trong những cơ quan chịu trách nhiệm về quản lý CTR, đang có kế hoạch xây dựng các khu liên hợp xử lý chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế... Tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện được những ý định này do thiếu công cụ pháp luật và thể chế cũng như kiến thức kỹ thuật. Để giải quyết những vấn đề bất cập trên, Chính phủ Việt Nam đã đề nghị Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ kỹ thuật nhằm mục đích tăng cường năng lực quản lý CTR của chính quyền cấp trung ương và địa phương, từ đó dự án đã được quyết định thực hiện dựa vào Biên bản Thảo luận và Biên bản Cuộc họp ký vào ngày 17/6/2013, trong đó Bộ Xây dựng phụ trách chính cùng với những cơ quan Việt Nam liên quan khác, với sự hỗ trợ kỹ thuật của JICA, đơn vị ủy quyền của Nhật Bản phụ trách mảng



Các đại biểu dự họp

hợp tác quốc tế. Và mục đích của buổi Họp là nhằm thống nhất các mục tiêu, các đầu ra, các hoạt động, kế hoạch thực hiện của dự án thông qua các thảo luận; Thống nhất cơ cấu quản lý dự án để các bên chính thức bắt đầu thực hiện dự án hợp tác này.

Tại buổi Họp, ông Trần Anh Tuấn, Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật đã báo cáo nội dung Ma trận thiết kế dự án (PDM), kế hoạch hoạt động (OP) và kế hoạch thực hiện và cơ cấu quản lý của dự án. CTR trong dự án này được xác định bao gồm CTR sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động hàng ngày của hộ gia đình, cơ quan (trường học, cơ quan nhà nước...), khu vực công cộng (đường phố, công viên...) và các cơ sở thương mại/dịch vụ (cửa hàng, văn phòng, nhà hàng, chợ, khách sạn...); chất thải xây dựng và phân bùn bể phốt. Về chỉ tiêu đánh giá khách quan cho mục tiêu dự án, trong PDM đã nêu ra 4 chỉ tiêu nhằm đánh giá các kết quả đạt được, cụ thể: các kiến thức về quản lý CTR đô thị được tăng cường tại cấp trung ương và cấp địa phương; tăng cường chính sách và thể chế đối với việc thực hiện quản lý CTR đô thị; quy hoạch về quản lý CTR đô thị được chuẩn bị và thực hiện ở thành phố

Hà Nội; quy hoạch quản lý tổng hợp CTR được chuẩn bị/ chỉnh sửa tại địa phương thí điểm.

Để lựa chọn Khu liên hợp mục tiêu cho Đầu ra 2, phát biểu tại buổi họp, ông Đoàn Thuận Long - Phó Giám đốc Ban Duy tu các Công trình hạ tầng kỹ thuật cho biết: Qua nghiên cứu, kiểm tra và rà soát, Ban đề xuất lựa chọn khu xử lý CTR mục tiêu theo thứ tự ưu tiên: Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn - Nhà máy xử lý chất thải Cầu Diễn - Khu xử lý rác Xuân Sơn.

Theo ông Long, lý do để chọn 3 khu liên hợp này là bởi: Đối với Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn, hiện nay giai đoạn I có công suất thiết kế khoảng 1.000 - 2.500 tấn/ngđ, tuy nhiên Khu xử lý này đang phải tiếp nhận khoảng 4.000 - 5.000 tấn/ ngđ với công nghệ xử lý rác chủ yếu là chôn lấp hợp vệ sinh và dự kiến đến quý IV/2014 giai đoạn I sẽ dừng tiếp nhận rác. Do đó, để đảm bảo không gián đoạn việc xử lý rác, đồng thời đảm bảo tận dụng, có đủ quỹ đất cho công tác đầu tư xây dựng khu xử lý rác công nghệ cao, Ban đã báo cáo với UBND Thành phố, Sở XD đề xuất lựa chọn khu xử lý chất thải Sóc Sơn là ưu tiên hàng đầu. Đối với Nhà máy xử lý chất thải Cầu Diễn, theo quy hoạch hệ thống xử lý chất thải rắn thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì khu xử lý này được quy hoạch là một trong số 5 trạm trung chuyển rác, có chức năng phân loại, giảm tải cho các khu xử lý tập trung. Mặt khác, một trong những vấn đề hợp tác kỹ thuật của hợp phần 2 dự án là việc tư vấn triển khai quy hoạch đã được phê duyệt. Do đó, việc lựa chọn khu xử lý này sẽ đáp ứng việc triển khai từng bước quy hoạch, làm hình mẫu để triển khai các trạm trung chuyển còn lại. Đối với xử lý rác Xuân Sơn, đây là khu xử lý rác tập trung của thành phố phục vụ nhu cầu xử lý rác cho các huyện phía Tây thành phố, hiện thành phố đang triển khai đầu tư xây dựng mở rộng, tuy nhiên việc quản lý tổng thể hiện có nhiều bất cập, đang làm quy hoạch chi tiết, chưa đủ hạng mục cần thiết để đảm bảo xử lý rác có hiệu quả. Do đó,

việc hợp tác kỹ thuật để có thể xây dựng hoàn chỉnh khu xử lý rác Xuân Sơn, tiếp tục tận dụng mặt bằng các ô đồ rác để đầu tư nhà máy xử lý rác giai đoạn 1,2 là rất cần thiết.

Hiện Ban đã thành lập Tổ công tác để phối hợp với đoàn chuyên gia thực hiện dự án, Ban cũng đã lập văn kiện dự án thành phần trình UBND thành phố phê duyệt để có cơ sở bố trí vốn đối ứng, triển khai lập kế hoạch thực hiện dự án theo quy định.

Để lựa chọn địa phương thí điểm cho Đầu ra 3, Ban quản lý dự án và chuyên gia Jica đã thảo luận cùng nhau, thực hiện các chuyến khảo sát thực tế và so sánh 10 địa phương tiềm năng theo đề xuất của Bộ Xây dựng. Kết quả, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được lựa chọn là địa phương mục tiêu cho Đầu ra 3.

Theo ông Hideki Wada, Tư vấn trưởng, đoàn chuyên gia Jica: Về chương trình tập huấn ở Nhật Bản, trong quá trình thực hiện dự án, hàng năm sẽ có 02 khóa tập huấn/ tham quan học tập tại Nhật Bản, diễn ra từ ngày 1 - 8 tháng 11 và từ ngày 15 - 29 tháng 11. Mục đích của các buổi tập huấn nhằm giúp các học viên hiểu hơn về cơ chế, chính sách tổng quan tại Nhật Bản; chia sẻ về hệ thống quản lý CTR sinh hoạt tại Nhật Bản; chia sẻ hệ thống khu liên hợp xử lý CTR tại Nhật Bản; giúp hiểu hơn về cách thức điều phối các hoạt động quản lý CTR liên vùng tại Nhật Bản, về các yếu tố quan trọng đối với việc chế biến phân hữu cơ; hiểu rõ hơn về cách thức quản lý của chính quyền địa phương đối với các công ty tư nhân về quản lý CTR.

Phát biểu thảo luận tại buổi họp, ông Mitsuo Yoshida - Cố vấn cao cấp của Jica cho rằng: Giữa chính sách và thể chế cần có sự kết hợp chặt chẽ với nhau, ngoài ra cũng cần có sự hỗ trợ từ xã hội, nhận thức rõ ràng từ các cơ sở hoặc từ chính quyền địa phương. Ông Yoshida cũng đề xuất cần chỉnh sửa lại chỉ số đánh giá khách quan trong dự thảo của dự án và cần có những chỉ số thực tế hơn nữa.

Theo ông Vũ Cường - Phó Giám đốc

Urenco, về việc xử lý rác, cần làm rõ hơn nữa về công tác xử lý rác thành phân hữu cơ hay là làm mùn? Vì khi sản xuất thành phân hữu cơ sẽ có các yêu cầu phức tạp và cần có các tiêu chuẩn để thực hiện, còn nếu làm mùn thì mọi việc sẽ đơn giản hơn rất nhiều.

Phát biểu tại buổi họp, TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng Kỹ thuật đã cảm ơn các ý kiến phát biểu của các đại biểu tham dự, đánh giá sự chuẩn bị tài liệu tương đối cụ thể và rõ ràng của các chuyên gia, giúp các đại

biểu có thể đọc và trao đổi nội dung với nhau. Tuy nhiên, để hoàn thiện thêm biên bản họp lần thứ nhất và các tài liệu kèm theo, nhóm tư vấn cần phối hợp với Cục Hạ tầng, Sở XD Hà Nội hoàn thiện Biên bản cuộc họp và trình lãnh đạo 2 bên. Đối với những góp ý của các đại biểu, yêu cầu phía tư vấn tiếp thu, giải trình hoặc bổ sung để Biên bản được hoàn thiện hơn.

Bích Ngọc

Nga thúc đẩy xây dựng xanh phát triển

Quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành, quản lý các công trình, các khu dân cư, các đô thị theo định hướng phát triển bền vững, cũng như các chính sách của nhà nước nhằm kích thích và điều chỉnh về mặt kinh tế các quá trình này đều liên quan tới sự phát triển kiến trúc sinh thái bền vững.

Tại Nga, trong những năm qua, các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực xây dựng sinh thái bền vững đã lần lượt được ban hành: luật số 7-F3 “Về bảo vệ môi trường xung quanh” ra ngày 10/01/2002, Bộ Luật Xây dựng đô thị Liên bang được thông qua năm 2004, luật số 261-F3 “Về tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm” ra ngày 23/11/2009, và rất nhiều văn bản dưới luật. Các yêu cầu về điều chỉnh kỹ thuật được xem xét như điều luật bắt buộc trong các chỉ dẫn kỹ thuật, cùng các yêu cầu áp dụng tự nguyện mà các chủ thể xây dựng cần tuân thủ.

Vấn đề thúc đẩy xây dựng sinh thái bền vững đã được Chính phủ Liên bang Nga triển khai từ năm 2008 - khi bài toán giảm 40% nhu cầu năng lượng được đặt ra cho nước Nga. Trong luật số 261-F3, các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng như sau được đề ra: trợ vốn ngân sách Liên bang cho các chủ thể nhằm thực hiện các chương trình sử dụng năng lượng hiệu quả; đề ra các điều kiện đặc

biệt cấp tín dụng cho các doanh nghiệp đang trong quá trình đổi mới trang thiết bị sản xuất, hoặc các doanh nghiệp đang tham gia xây dựng các công trình tiết kiệm năng lượng chất lượng cao; dành ưu đãi hoặc không đánh thuế đối với tài sản của các công trình tiết kiệm năng lượng; đề xuất hệ số đặc biệt đối với các tiêu chí cơ bản trong khấu hao tài sản có đặc tính tiết kiệm năng lượng cũng như sản xuất năng lượng.

Xây dựng bền vững về mặt sinh thái (xây dựng sinh thái bền vững) trước hết là xây dựng tổng hợp và chất lượng, thông qua đó thiết lập một môi trường sống tiện nghi, lành mạnh, an toàn và hiệu quả. Hội đồng Xây dựng xanh và Hội Kiến trúc sư của Liên bang Nga đang đề xuất áp dụng vào tất cả các thiết kế theo tiêu chuẩn sinh thái bền vững một loạt biện pháp kích thích. Trong đó, bao gồm chứng nhận bắt buộc các công trình cấp nhà nước hoặc các công trình công cộng; ưu tiên trong việc cấp đất và thỏa thuận xây dựng công trình hoặc khu dân cư bền vững về mặt sinh thái; đưa các gói tín dụng ưu đãi và bồi hoàn lãi suất tín dụng đối với các trường hợp áp dụng tiêu chuẩn sinh thái bền vững; bổ sung nội dung phát triển các đô thị, các cụm dân cư bền vững về mặt sinh thái vào các quy hoạch vùng.

Các biện pháp hàng đầu có tính khả thi, có tác dụng đẩy nhanh quá trình xây dựng sinh

thái bền vững là: giảm thể chấp, hoặc trợ vốn cho xây dựng sinh thái bền vững; kích cầu các nhà thầu xây dựng trong lĩnh vực này; thông qua đấu thầu kích thích sản phẩm của các doanh nghiệp đang chào hàng sản phẩm sinh thái bền vững; chuyển đổi từ định giá một m² sàn nhà ở sang định giá vòng đời toàn bộ công trình, có tính tới giá vận hành khai thác và phá dỡ công trình. Quá trình xây dựng các tiêu chuẩn kích thích xây dựng sinh thái bền vững cần có sự tham gia của tất cả các thành viên của thị trường.

Với mục đích thúc đẩy xây dựng xanh phát triển, Hội đồng Xây dựng xanh và Hội Kiến trúc sư Nga đã thành lập hệ thống chứng nhận tự nguyện. Hệ thống này được đăng ký tháng 8/2013. Việc nghiên cứu hệ thống được tiến hành trong 2 năm trở lại đây. Sự ra đời của hệ thống đã góp phần hình thành một phương pháp tiếp cận mới với kiến trúc sinh thái bền vững. Hệ thống không chỉ đánh giá tính sinh thái và hiệu quả sử dụng năng lượng của các công trình, mà còn xem xét toàn diện các yếu tố văn hóa - xã hội, các giải pháp quy hoạch, vòng đời, chức năng và chất lượng xây dựng. Các nhà sáng lập hệ thống dựa trên cơ sở hệ thống chứng chỉ quốc tế đối với công trình sinh thái bền vững của châu Âu DGNB. Những ưu tiên về chất lượng thiết kế và xây dựng, vòng đời và tuổi thọ của công trình chính là sự khác nhau giữa giải pháp mang tính bền vững về mặt sinh thái và giải pháp mang tính sinh thái.

Hiện nay, đây là hệ thống chứng nhận phát triển bền vững đầu tiên của Nga (khác với chứng nhận "xanh") hình thành một cách tiếp cận hoàn toàn mới đối với lĩnh vực kiến trúc và xây dựng đô thị, chứ không chỉ giới hạn trong việc đánh giá trực quan các tiêu chí "xanh". Hệ thống của Nga khác các hệ thống tương tự áp dụng tại các nước khác, do hoàn toàn dựa vào tình hình thực tế của Nga - các điều luật cơ bản, tiêu chuẩn cơ sở, mức độ phát triển của ngành xây dựng... Hệ thống này cũng có những ưu

điểm so với các hệ thống khác của Nga bởi đã đặt các tiêu chí chất lượng, vòng đời, các yếu tố văn hóa - xã hội làm trọng tâm, chứ không chỉ đơn thuần đánh giá tính sinh thái và hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm của một công trình.

Dự án tổ hợp làng sinh thái "Công viên Ahoi" tại tỉnh Tuapse vùng Krasnodar (Nga) là dự án thử nghiệm đầu tiên chuẩn bị nhận chứng nhận tự nguyện của Hội đồng Xây dựng xanh và Hội Kiến trúc sư. Dự án đã thắng thầu, vượt qua các đối thủ khác với những giải pháp xây dựng nặng tính truyền thống - những khoảng sân vuông và các ngôi nhà được hàng rào bao quanh hoàn toàn không phù hợp với các tiêu chuẩn xanh. Dự án "Công viên Ahoi" không chỉ đề xuất việc bảo tồn 07 ha rừng, mà còn đưa ra những ý tưởng táo bạo khi tăng phần diện tích ở và diện tích công cộng tới hơn 20%. Tại đây, các nhà thiết kế đã thiết lập thành công một môi trường thực sự tiện nghi, lành mạnh và an toàn cho cuộc sống của các cư dân. Thậm chí phụ huynh có thể yên tâm để con em mình tự đi chơi mà không cần quá lo lắng. Các biện pháp cụ thể nhằm gìn giữ môi trường sinh thái lành mạnh cho người dân và cho cả thiên nhiên xung quanh, duy trì tối đa sự đa dạng sinh học của môi trường được áp dụng triệt để trong làng.

Các con phố uốn lượn tạo sự liên tưởng tới địa hình đồi núi; và những ngôi nhà được thiết kế sao cho đều có thể nhìn được ra biển, nhà phía sau cao hơn nhà phía trước. Mái "xanh" không chỉ tạo nét kiến trúc hài hòa với không gian tổng thể mà còn có ý nghĩa nhất định đối với chỉ số tiết kiệm năng lượng của tất cả các ngôi nhà trong làng. Các cửa sổ lớn của các nhà đều mở về hướng nam (duy trì bóng râm tốt, nhờ đó về mùa hè mặt trời không nung nóng ngôi nhà. Về mùa đông - khi mặt trời nằm thấp ở đường chân trời - thì ngược lại, cửa sổ hướng nam sẽ duy trì nhiệt cho ngôi nhà bởi các tia nắng có thể xuyên thấu vào từng căn phòng). Gió từ phương bắc không đem lại khí lạnh cho ngôi nhà bởi vì cửa sổ không mở theo

hướng này. Kết quả là ngôi nhà hoạt động như một bình nhiệt, song khác với các “nhà thụ động” truyền thống, những ngôi nhà trong làng lại có thể đón được những ngọn gió tự nhiên. Điều tuyệt vời là bằng cách này, không chỉ có các căn biệt thự và nhà phố được thiết kế, mà cả các nhà chung cư.

Thiết kế các ngôi nhà tuân theo nguyên tắc: các phòng khách và phòng ngủ được bố trí từ hướng mặt tiền; còn bếp biệt lập với các lối đi lại nằm sâu bên trong. Thông thường, các căn phòng được bố trí xa cửa sổ hơn 06m theo tiêu chuẩn chỉ có thể chiếu sáng nhân tạo. Trong khu làng này, các phòng bếp lại tận dụng được tối đa ánh sáng ban ngày. Để làm được điều này, các hệ thống giếng trời bịt gương ở cả phía trên và phía dưới đã được ứng dụng. Phương pháp này đã được áp dụng trong xây các bãi đỗ xe ngầm với chi phí không cao.

Trong làng có hệ thống thu gom rác thải tập trung. Hàng ngày, sau một khoảng thời gian nhất định, trên các đường phố các hộp thu gom rác hình trụ lại được chở tới. Các hộp này sẽ nén (ép) rác tại chỗ thành những khối hình học bảo đảm không có mùi khó chịu nữa. Các hộp này có thể được đặt ở trung tâm mà không làm mất mỹ quan khu làng.

Với hạ tầng cơ sở (hệ thống cầu đường, bãi tắm, khu nghỉ ngơi giải trí với các quán bar và bể bơi, bến thuyền...) rất phát triển, có thể coi tổ hợp làng sinh thái “Công viên Ahoi” là bước tiên phong trong việc hiện thực hóa kiến trúc sinh thái bền vững của ngành Xây dựng Nga.

A.Remizov

Nguồn: Tạp chí Xây dựng nhà ở Nga

tháng 3/2014

ND: Lê Minh

Đô thị hóa không thể thiếu văn hóa

“Quy hoạch đô thị hóa kiểu mới quốc gia (2014 - 2020)” của Trung Quốc được công bố gần đây đã nêu ra những yêu cầu rõ ràng đối với sự kế thừa văn hóa trong đô thị hóa. Việc làm nổi bật đặc trưng khu vực, tránh hiện tượng rập khuôn giữa các thành phố, phát triển các thành phố và thị trấn tươi đẹp với những ký ức lịch sử, những bối cảnh văn hóa, diện mạo khu vực và đặc điểm dân tộc sẽ là những mục tiêu phát triển của đô thị hóa Trung Quốc.

Đô thị hóa là xu thế lớn trong xã hội hiện nay của Trung Quốc, cũng là sự cải cách xã hội liên quan tới mỗi người, mỗi gia đình. Cho tới nay, lần đầu tiên dân số tại các thành phố và thị trấn đang lớn hơn nông thôn. Như lời của Stiglitz - người đoạt giải Nobel về kinh tế năm 2000 đã nói: “Có hai sự kiện lớn của thế kỷ XXI có ảnh hưởng nhiều nhất tới tiến trình xã hội loài người: Một là cách mạng kỹ thuật mới của Mỹ, hai là đô thị hóa của Trung Quốc.”

Có rất nhiều sự lựa chọn trong xây dựng đô

thị hóa: là kiên trì xây dựng các tòa nhà cao tầng hay là chú trọng vào việc tạo dựng phẩm chất đô thị, lấy cuộc sống hạnh phúc của con người là trọng tâm; là nhanh chóng trung dụng đất đai, mở rộng diện tích, lấy mới mẽ, to lớn, tươi sáng làm vẻ đẹp hay là sắp xếp bố cục phù hợp, chú trọng tới sự kế thừa, lấy việc xây dựng hệ thống dịch vụ công cộng đô thị là nhiệm vụ chính; là nóng vội, mù quáng, lãnh đạo quyết định, đô thị hóa vì đô thị hóa hay là quyết sách khoa học, làm việc theo pháp luật, đô thị hóa vì sự văn minh tiến bộ của người dân đô thị và nông thôn. Ngày nay, khi một lượng lớn các khu vực mới tại đô thị trở nên hoang vắng, thậm chí còn biến thành các “thành phố chết” thì việc đi trên con đường đô thị hóa như thế nào lại càng là một vấn đề trọng đại. Thực ra, trong quá trình đô thị hóa, xây dựng văn hóa cũng là cốt lõi, đô thị hóa mà thiếu đi văn hóa thì đồng nghĩa với khả năng biến thành các “thành phố chết” về mặt tinh thần.

Văn hóa không theo kịp, cuộc sống đô thị sẽ bị ảnh hưởng

Làng Bàng Các, Khu Đại Hưng, TP. Bắc Kinh vốn nổi tiếng xa gần với nghề trồng dưa hấu. Mấy năm nay, người nông dân tại các thôn đã chuyển sang sống tại các cộng đồng dân cư, sống trong những tòa nhà tầng, mua sắm tại siêu thị và đi dạo tại công viên xanh mát, họ sống một cuộc sống giống như những người dân trên thành phố. Tuy nhiên, họ vẫn cảm thấy không hài lòng, họ cảm thấy thiếu đi cái gì đó.

Nếu coi ở nhà lâu, dạo siêu thị chính là đô thị hóa thì hàm lượng văn minh của đô thị thực sự là quá thấp. Thực ra, trong cuộc sống thành thị, sự gửi gắm về tinh thần, sự hun đúc về văn hóa là hết sức quan trọng. Các chuyên gia thuộc Ủy ban Chuyên gia xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng quốc gia của Trung Quốc cho rằng, cùng với sự phát triển cấp tốc của đô thị hóa, giả sử hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng không thể kịp thời theo sát, sẽ có rất nhiều vấn đề xảy ra. Bởi vì dịch vụ văn hóa công cộng có thể làm phong phú thêm cho cuộc sống thường ngày của người dân, cung cấp địa điểm đào tạo cho số lượng lớn lực lượng lao động dư thừa, nâng cao sự rèn luyện văn hóa hàng ngày đối với các thị dân mới đang trong quá trình chuyển đổi, giúp người nông dân cảm nhận được tác dụng quan trọng của văn minh tinh thần trong cuộc sống thành thị, mang lại cảm giác thân thuộc cho những người ngoại lai. Cuộc sống mà thiếu đi văn hóa sẽ là một cuộc sống vô vị, nhàm chán và cũng dễ dàng làm phát sinh cuộc sống không tốt đẹp.

Khu Đại Hưng, thành phố Bắc Kinh là một vùng nông nghiệp truyền thống. Nơi đây đang nhanh chóng chuyển mình thành khu công nghiệp mới hiện đại, một số lượng lớn nông dân sẽ trở thành các cư dân, dân số ngoại lai cũng tăng lên nhanh chóng. Theo thống kê, cuối năm 2010, dân số phi nông nghiệp tại khu Đại Hưng là 284 nghìn dân, tăng 100 nghìn người so với cuối năm 2005. Trong số 1,36 triệu dân

thường trú, có 640 nghìn người là người dân ngoại tỉnh hoặc khu vực khác chuyển tới. Sự đẩy nhanh trong tiến trình đô thị hóa đã khiến cho cơ sở hạ tầng văn hóa khó lòng đáp ứng, đặc biệt là các khu dân cư mới quy hoạch, mới xây dựng và các khu vực nông thôn vốn thiếu thốn rõ rệt nguồn tài nguyên văn hóa. Đối mặt với tình hình này, từ năm 2009, Chính quyền khu Đại Hưng không ngừng xây dựng các dịch vụ văn hóa công cộng, tận dụng các loại hình không gian, xây dựng các hạng mục văn hóa đa dạng, mở rộng các không gian mới cho các hoạt động văn hóa.

Nông dân trở thành thị dân cần thiết phải có sự bồi dưỡng về mặt văn hóa

Tạm biệt cuộc sống và việc canh tác truyền thống, người nông dân từ các ngôi nhà tại nông thôn chuyển tới các cộng đồng dân cư tại đô thị. Trong một môi trường lạ lẫm, làm sao để thích ứng nhanh hơn, tốt hơn với cuộc sống mới là vấn đề mà các thị dân mới bắt buộc phải đối mặt sau khi họ vừa mới từ bỏ những vật dụng nông nghiệp quen thuộc như cái liềm, cái cuốc.

Trường Nghệ thuật thị dân thuộc khu Long Tuyền Dịch, thành phố Thành Đô là trường học mang tính công ích đầu tiên của Trung Quốc được mở để dành cho những thị dân bình thường. Điểm đặc sắc lớn nhất của trường là không thu phí. Hiện tại, các lớp đào tạo mỗi kỳ của trường có tới 3 nghìn người, trong đó 1/4 là người nông dân ngoại thành. Trường đào tạo rất nhiều môn như nhạc cụ, vũ đạo, ba lê, nghề thêu Tứ Xuyên, bóng bàn, Taekwondo..., giúp người dân tìm được ngôi nhà tinh thần và sẽ hòa nhập tốt hơn vào cuộc sống đô thị.

Người phụ trách nhà trường cho biết: “Trường đã mở được 6 năm rồi, tôi vẫn nhớ như in hình ảnh mọi người tới đăng ký.” Rất nhiều người trông khá chân chất, thô kệch, “bộ phận người dân này trước đây là nông dân, các phương diện như thói quen hành vi, giao tiếp cá nhân... đều ở trong trạng thái thiếu hiểu biết. Trải qua việc học thanh nhạc, học múa..., trải

qua một lần cải tạo về mặt tâm linh tại ngôi trường của chúng tôi, mọi hành vi, cách nói chuyện của họ đều có sự cải thiện rất lớn. Có những học viên sau khi học 3, 4 năm có thể lên sân khấu biểu diễn, tinh thần của họ đều đã thay đổi, trở nên trẻ trung, hoạt bát hơn, hơn nữa còn có sự cải thiện lớn về mặt tính khí.”

Trường Nghệ thuật thị dân thuộc khu Long Tuyển Dịch đang được các thị dân mới hết sức yêu thích. Tháng 4 và tháng 9 hàng năm là thời gian chiêu sinh, rất nhiều người xếp hàng đầu đêm ngoài cổng trường để chờ đăng ký. Hiện tại, thành phố Thành Đô đã mở thêm các trường nghệ thuật thị dân tại mỗi một khu thuộc thành phố.

Mục đích của đô thị hóa là sự chuyển biến trong phương thức sinh hoạt

Điều quan trọng nhất của đô thị hóa là hiện đại hóa tinh thần, nông dân biến thành thị dân không chỉ cần hoàn thành việc chuyển đổi thân phận, công việc mà cần thiết hơn nữa là hoàn thành nâng cao quan niệm tư tưởng, phương thức tư duy, định hướng giá trị và mô hình sinh hoạt. Văn hóa chính là con đường tốt nhất thúc đẩy chuyển biến diện mạo tinh thần.

Cộng đồng dân cư Khang Trang nằm tại khu vực liên kết giữa đô thị và nông thôn của thành phố Thành Đô. Đây là một cộng đồng mới với đa phần là người dân mất ruộng đất, những cư dân mới vừa chuyển vào thành phố này sống trong những ngôi nhà tầng và đem theo cả những thói quen sinh hoạt trước đây của mình. Để giúp những cư dân này trở nên văn minh hơn, nhân viên dịch vụ cộng đồng đã nghĩ ra rất nhiều biện pháp: mời giáo viên chuyên ngành dạy hợp xướng, mở lớp dạy thái cực quyền, dạy

hội họa...

Tỉnh Quảng Đông là một trong những nơi đầu tiên của Trung Quốc thực hiện cải cách mở cửa, cũng là khu vực có tốc độ phát triển đô thị hóa khá nhanh. Nông dân bản địa và nông dân ngoại lai chuyển tới thành phố với số lượng rất đông. Các thành phố và thị trấn mới trở nên phổ biến khắp tỉnh. Chính vì thế, làm sao để xây dựng văn hóa đô thị lành mạnh, nâng cao mức độ văn minh đô thị đã trở thành một vấn đề đặt ra trước mắt các thành phố và thị trấn mới của Quảng Đông.

Năm 2011, Chính quyền thành phố Trung Sơn, tỉnh Quảng Đông đã triển khai một hoạt động lớn mang tên “Hành động tu thân toàn dân”. Mục đích của hoạt động này là “tăng cường sự tu dưỡng của người dân đô thị, nâng cao tố chất văn minh trong toàn dân, tối ưu hóa sinh thái nhân văn”. Thành phố Trung Sơn đã chi hơn 5 triệu NDT dành cho việc cải tạo các nhà văn hóa các cấp, cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao sức hấp dẫn cho các nhà văn hóa. Các thị dân mới có thể tiến hành các hoạt động giải trí như đọc sách, xem báo, đánh cờ, khiêu vũ... tại các nhà văn hóa. Những nhà văn hóa tiêu chuẩn cao thực sự đã đem lại bầu không khí mới cho những người dân nơi đây.

Có thể nói, chính là do những bước đi trong xây dựng văn hóa không bị chậm lại nên mới có thể mang lại sự hài hòa, diện mạo tinh thần mới mẻ cho đô thị hóa của một số nơi trong mấy năm gần đây.

Trương Hạ, Trần Nguyên, Lưu Dương

Nguồn: house.people.com.cn

ND: Kim Nhật

Thị trường bất động sản Trung Quốc có dấu hiệu khởi sắc

Trong năm 2013, thị trường bất động sản của Trung Quốc vẫn tiếp tục ấm dần lên, lượng

nhà ở được xây mới, khối lượng bán, hàng tồn kho, lượng hàng được giao dịch trên toàn quốc

đã tăng lên đáng kể, thị trường cung cầu đang khởi sắc. Sau tháng 1/2014, lượng giao dịch tại các thành phố lớn trên cả nước có dấu hiệu giảm và thu hút nhiều sự phán đoán và bình luận của nhiều người. Tuy nhiên, theo ý kiến đánh giá khách quan của ông Trương Ngọc Lương - Chủ tịch Tập đoàn Bất động sản Greenland, là tập đoàn bất động sản lớn thứ 3 ở Trung Quốc và cũng là tác giả của bài viết, từ các giao dịch đất đai trên thị trường và mục tiêu hoạt động của các doanh nghiệp trong năm 2014 có thể thấy, hầu hết các doanh nghiệp bất động sản đều có niềm tin vào thị trường.

I. Khi thị trường có dấu hiệu hồi phục

Khi thị trường có dấu hiệu phục hồi, thường xuất hiện 2 sự phân hóa quan trọng:

Thứ nhất, giữa các đô thị thuộc tuyến I - II và đô thị thuộc tuyến III - IV đã xuất hiện sự phân hóa rõ ràng (Khái niệm phân chia các tuyến đô thị tại Trung Quốc lúc đầu được bắt nguồn từ thị trường bất động sản, đến nay thì khái niệm này trở thành ngôn từ để chỉ lực cạnh tranh và năng lực chung của đô thị. Căn cứ vào các chỉ tiêu sau để phân chia: 1- địa vị hành chính; 2- thực lực kinh tế; 3- quy mô đô thị; 4- đô thị có tầm ảnh hưởng lớn). Thị trường tại các đô thị tuyến I - II vẫn tiếp tục ấm dần lên, đặc biệt là các đô thị tuyến I như: Bắc Kinh, Thượng Hải... khối lượng và giá giao dịch nhà thương phẩm và đất đai đã tăng đáng kể. Ngược lại, thị trường tại đô thị thuộc tuyến III - IV về cơ bản là ổn định, thậm chí một bộ phận thị trường tại các tuyến này còn có xu hướng giảm. Trước tình huống này, một số doanh nghiệp bất động sản có quy mô lớn tại các đô thị tuyến III - IV đã bắt đầu điều chỉnh chiến lược, nhằm cạnh tranh với các đô thị thuộc tuyến I - II. Tuy nhiên, cũng có nhiều người băn khoăn vì sao lại có sự phân hóa như vậy? Câu trả lời đó chủ yếu là do sự phân hóa về phát triển kinh tế, tập trung công nghiệp, thu hút nhân khẩu... giữa các đô thị thuộc tuyến I - II và III - IV. Các đô thị tuyến I - II có ưu thế nền kinh tế phát triển mạnh, công

ngiệp hùng hậu, giáo dục, y tế, việc làm và tập trung cao độ các nguồn tài nguyên, trong khi đất đai lại tương đối hiếm, về lĩnh vực bất động sản thì cung không đủ cầu. Ngược lại, rất nhiều đô thị thuộc tuyến III - IV tuy mức độ phát triển kinh tế không cao, sức mua cũng kém hơn, không gian thị trường hạn chế, cùng với các quy định kiểm soát được ban hành, có rất nhiều công ty phát triển bất động sản mở rộng thị trường vào các đô thị thuộc tuyến III - IV, nhằm thúc đẩy thị trường đất đai tại những khu vực này phát triển, tung lượng hàng nhà thương phẩm ra thị trường, tuy nhiên việc làm này chỉ khiến cho lượng hàng tồn kho ngày một tăng và sự mất cân bằng giữa cung và cầu ngày càng lớn.

Thứ hai, giữa các doanh nghiệp bất động sản có quy mô lớn và doanh nghiệp bất động sản có quy mô vừa và nhỏ, đã có sự phân hóa rõ rệt. Trong khi các doanh nghiệp lớn đang phát triển mạnh, thì các doanh nghiệp vừa và nhỏ lại chưa đủ trưởng thành. Hơn nữa, trên thực tế, sự phân hóa giữa các doanh nghiệp và đô thị có sự liên quan với nhau. Thị trường bất động sản thuộc các tuyến đô thị I - II hoạt động mạnh, tăng trưởng tốt, nhưng lại khan hiếm đất đai, cạnh tranh khốc liệt hơn. Những doanh nghiệp lớn nhờ có thực lực hùng hậu, giàu kinh nghiệm, năng lực tập trung nguồn vốn mạnh, nên rất dễ dàng nhận được sự hỗ trợ của chính quyền phương về đất đai, tín dụng, nhân lực... và nhiều nguồn lực khác. Do đó, sự phân hóa giữa các doanh nghiệp lớn và những doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng là những hiện tượng tất yếu khó tránh khỏi.

II. Xu hướng chuyển đổi của các doanh nghiệp bất động sản

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển chung của ngành công nghiệp và không ngừng điều chỉnh thị trường, các doanh nghiệp cũng đã có những bước tiến thuận lợi, đã nhanh chóng đẩy mạnh tốc độ chuyển đổi và nâng cấp cho doanh nghiệp mình. Hiện nay, doanh nghiệp bất động sản chủ yếu chuyển đổi theo

các xu thế sau:

Chuyển đổi sản phẩm. Từ hướng mở rộng phát triển đơn nhất chuyển sang thành hợp nhất. Một vài năm trở lại đây, dựa trên những sản phẩm nhà ở truyền thống, ngày càng nhiều doanh nghiệp bất động sản thu hút sức đầu tư mở rộng ngành công nghiệp này, họ đầu tư cả vào bất động sản thương mại, bất động sản văn hóa, bất động sản du lịch, khu dưỡng lão và nhiều loại bất động sản khác. Năm ngoái, các dự án văn phòng được bán ra chiếm khoảng 40% tổng số lượng hàng được bán, điều này đã giúp cho các doanh nghiệp ở Trung Quốc tăng trưởng ổn định.

Trong 2 năm qua, Trung Quốc vẫn không ngừng phát huy lợi thế tập hợp nguồn tài nguyên, đẩy mạnh phát triển ngành bất động sản. Hiện nay, Trung quốc đã mở rộng đầu tư khu công nghiệp hàng không trên cả nước. Đồng thời, nhiều doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp cũng nỗ lực phát triển toàn diện.

Chuyển đổi định dạng. Từ vị trí là một nhà phát triển chuyển đổi sang thành nhà kinh doanh, nhà cung cấp dịch vụ. Trên thực tế, việc chuyển đổi từ một nhà phát triển thành nhà kinh doanh, nhà cung cấp dịch vụ là một hình thức hội nhập sản phẩm và phát triển tự nhiên, đây cũng là một nhu cầu tất yếu để ngành công nghiệp bất động sản không ngừng hoàn thiện sự trưởng thành của mình. Cùng với việc những sản phẩm bất động sản công nghiệp, bất động sản thương mại,... xuất hiện với một lượng lớn, trên cơ sở kinh doanh những sản phẩm cứng của mình, các doanh nghiệp phát triển cũng ngày càng chú trọng hơn tới giá trị sản phẩm dịch vụ. Những năm gần đây, về phương diện dịch vụ và kinh doanh, các doanh nghiệp bất động sản đã có những bước tiến bộ lớn. Điển hình là một số doanh nghiệp đã dành được thương hiệu cho mình trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, đồng thời, cũng đã hình thành năng lực mạnh trong các lĩnh vực hội nhập

nguồn tài nguyên, đầu tư, thiết kế quy hoạch...

Chuyển đổi thị trường. Từ kinh doanh nội địa hướng tới kinh doanh ra nước ngoài. Hiện nay, thị trường mới nổi và thị trường đã trải qua cả một thời gian dài phát triển đã bước vào giai đoạn phát triển khác nhau. Tại Châu Âu và những thị trường phát triển khác, đã phục hồi sau những cuộc khủng hoảng. Trong khi đó, thị trường mới nổi, do các vấn đề về cơ cấu, đã xuất hiện các mức độ suy giảm khác nhau. Do thị trường Châu Âu và các quốc gia phát triển khác có mức giá tài sản tương đối thấp, nên trong tương lai sẽ là giai đoạn phát triển của họ. Trong bối cảnh như vậy, tối ưu hóa việc phân bổ đầu tư, mở rộng đầu tư ra nước ngoài, đã trở thành trào lưu mới đối với các doanh nghiệp phát triển bất động sản ở Trung Quốc. Các doanh nghiệp bất động sản của Trung Quốc đã nhận thấy một số dự án lớn tại nước ngoài như : Dự án xanh tại Hàn Quốc, dự án tại Úc, dự án vườn quốc gia của Malaysia... đã đạt được lợi ích kinh tế và xã hội.

III. Cơ hội để doanh nghiệp bất động sản của Trung Quốc thực hiện cải cách

Hội nghị toàn thể lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa XVIII diễn ra từ ngày 09-12/11/2013 tại Bắc Kinh đã đưa ra các biện pháp thực hiện cải cách chi tiết, với phạm vi mở rộng và phong phú, hiện nay, một phần nội dung cải cách đã và đang được thực hiện. Dựa trên những đặc điểm cụ thể của ngành công nghiệp bất động sản, kết hợp với nội dung thực hiện cải cách của Hội nghị, có thể nhận thấy, ngành bất động sản đang đứng trước những cơ hội phát triển quan trọng:

Cơ hội 1: Môi trường tổng thể cho sự phát triển của các doanh nghiệp bất động sản đang được nới lỏng. Hội nghị đã nêu rõ, cần từng bước thúc đẩy cải cách thị trường, để thị trường đóng vai trò quyết định trong việc phân bổ nguồn lực, giúp giảm hình thức phân bổ nguồn lực trực tiếp từ Chính phủ. Khách quan mà nói,

trước đây Trung Quốc có quá nhiều cơ chế quản lý, chỉ riêng ngành bất động sản đã có nhiều các yếu tố liên quan, đất đai đô thị và nông thôn, lãi suất tín dụng, hộ khẩu... đều có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, trong đó việc thực hiện kiểm soát bất động sản là nội dung nổi bật. Với những nội dung cải cách và tiếp tục thúc đẩy thị trường mà Hội nghị đưa ra, có thể dự đoán, việc phân bổ nguồn lực và kiểm soát thị trường bất động sản sẽ theo hướng thị trường hóa, nên thị trường bất động sản và doanh nghiệp bất động sản sẽ có môi trường phát triển thoải mái hơn trước.

Cơ hội 2: Từ năm ngoái, các nhà làm chính sách không còn nhấn mạnh cụm từ “tiếp tục kiểm soát thị trường bất động sản” mà thay vào đó là “đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà ở xã hội và hệ thống cung ứng”. Như vậy có thể thấy, trọng tâm chính sách của Chính phủ đối với thị trường bất động sản đã giải quyết được vấn đề “giá nhà tăng vọt” thành “xây dựng hệ thống cung ứng nhà ở”. Mục tiêu đề ra là tối ưu hóa các nguồn cung ứng, thiết lập hệ thống cung ứng nhà ở hợp lý, đồng thời, thông qua các phương tiện thị trường tăng cường lượng cung ứng nhà ở và xem đây như là nhiệm vụ chính của ngành công nghiệp bất động sản. Đến lúc đó, sản lượng ngành công nghiệp bất động sản sẽ từng bước được phân bổ rộng rãi, đồng thời, năng lực kinh doanh và sự nhiệt tình của các doanh nghiệp bất động sản sẽ tăng lên.

Cơ hội 3: Cùng với việc người dân làm nông nghiệp chuyển đổi một cách tuần tự thành người dân đô thị hóa đã thúc đẩy công tác cải

tạo trên quy mô lớn đối với những khu nhà ổ chuột, từng bước đáp ứng nhu cầu thị trường nhà ở. Tại Hội nghị toàn thể lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa XVIII và Hội nghị công tác đô thị hóa Trung ương đều đề xuất cần thúc đẩy mục tiêu “lấy con người làm cốt lõi” để phát triển đô thị hóa, ngoài những thành phố lớn, dần phải nới lỏng cơ chế đăng ký hộ khẩu và từng bước thực hiện mục tiêu giúp người nông dân chuyển đổi thành người dân đô thị hóa. Sau Hội nghị, công tác nông thôn Trung ương Trung Quốc được tổ chức, chỉ tiêu được đưa ra là đến năm 2020 phải giải quyết 300 triệu trường hợp, cụ thể: phải giải quyết khoảng 100 triệu trường hợp người dân nông thôn dịch chuyển vào thành phố và đảm bảo có hộ khẩu thường trú; cải tạo khoảng 100 triệu hộ thuộc khu nhà ổ chuột và khu nghèo trong đô thị; đưa khoảng 100 triệu nhân khẩu thuộc khu vực phía Tây vào trong khu đô thị hóa. Ngoài những chỉ tiêu cụ thể phải thực hiện, có thể nhận thấy, hầu hết người dân dịch chuyển từ nông thôn vào đô thị, hay cải tạo những khu nhà ổ chuột, chung quy là có nhu cầu về nhà ở, chính điều này đã mang lại động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của ngành công nghiệp nhà ở.

Trương Ngọc Lương

Chủ tịch Tập đoàn Bất động sản

Greenland

Nguồn: Báo “Tài chính hàng ngày Trung Quốc” ra ngày 8/4/2014

ND: Bích ngọc

Kinh nghiệm về xử lý nước thải nông thôn của thành phố Trường Thục, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc

Trong khi tốc độ đô thị hóa đang diễn ra ngày càng nhanh ở các địa phương trên cả nước, thì vấn đề xử lý nước thải nông thôn của Trung Quốc lại không được quan tâm chú ý. Hệ

thống xử lý không theo quy hoạch, không phù hợp, thiếu vốn đầu tư, kỹ thuật công nghệ xử lý lạc hậu, dẫn đến việc nước thải nông thôn không được xử lý triệt để.

Thành phố Trường Thục thuộc tỉnh Giang Tô, trong 6 năm trở lại đây đã thực hiện hiện đại hóa hệ thống xử lý nước thải nông thôn, và đem lại nhiều hiệu quả đáng kể. Trong năm 2008, công suất xử lý nước thải nông thôn mới chỉ đạt khoảng 23 nghìn m³/ngày thì đến cuối năm 2013 đã đạt được hơn 150 nghìn m³/ngày; Đường ống dẫn nước thải trong thành phố từ con số 75 km đã tăng lên hơn 870 km; Xây mới 48 trạm bơm nước thải; địa điểm xử lý nước thải tập trung từ 29 đã tăng lên 374 địa điểm trong cả thành phố. Tính đến nay nước thải sinh hoạt của gần 44 nghìn hộ gia đình ở nông thôn đã được xử lý rất hiệu quả. Vậy bài học kinh nghiệm từ thành phố này đem lại trong công tác xử lý nước thải nông thôn là gì?

Cải thiện cơ chế quản lý, xác định rõ trách nhiệm và mục tiêu

Từ cuối năm 2008, thành phố Trường Thục đã bắt đầu nghiên cứu mô hình xử lý nước thải ứng với công tác quản lý đô thị và nông thôn. Từ việc làm thế nào để vừa thực hiện quyền giám sát quản lý theo pháp luật, vừa tăng cường công tác quản lý theo khu vực, vừa huy động được sự tích cực tham gia của các thành phần xã hội, đặc biệt là các cơ quan quản lý bảo vệ môi trường, cơ quan quản lý nhà ở và xây dựng đô thị, nông thôn, các đơn vị phối hợp xử lý nước thải đô thị, nông thôn tại các khu vực. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm là đơn vị chủ quản thi hành và quản lý công tác xử lý nước thải, phụ trách toàn thành phố, bao gồm cả khu vực nông thôn lân cận. Công ty TNHH nhà máy nước Giang Nam thuộc đầu tư của nhà nước được thành lập, chịu trách nhiệm vận hành và quản lý nước toàn thành phố. Tuy nhiên, chính quyền thành phố cũng tách biệt rõ ràng giữa hai trách nhiệm là quản lý và xây dựng. Việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải, cấp thoát nước sẽ do đơn vị khác chịu trách nhiệm. Chính việc này đã xử lý hài hòa mối quan hệ trong công tác quản lý giữa các đơn vị liên quan, đây là cơ sở cho việc thúc đẩy toàn

diện công tác xử lý nước thải nông thôn.

Quy hoạch khoa học toàn diện từ thành thị đến nông thôn

Từ Đồ án quy hoạch đô thị nông thôn năm 2008, trong đó ngoài nhà ở, cơ sở hạ tầng, thì hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải đã được chính quyền thành phố Trường Thục đặc biệt quan tâm chú ý, bố trí và xây dựng hệ thống xử lý nước thải đồng nhất từ thành thị đến nông thôn. Hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt tại thành phố, còn hệ thống xử lý nước thải phi tập trung đặt tại khu vực nông thôn lân cận. Công tác quy hoạch tập trung giải quyết 3 vấn đề chính sau:

Một là tối ưu hóa hệ thống xử lý nước thải. Ban đầu toàn khu vực có 33 điểm, sau đó qua quá trình hợp nhất và điều chỉnh thì còn lại 10 điểm xử lý nước thải tập trung. Trong quy hoạch, nhà máy xử lý nước thải đặc biệt được xem xét về mặt quy mô và mức đầu tư để phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương. Đặc biệt chú ý đến mật độ dân số quanh khu vực đặt nhà máy xử lý nước thải, điều kiện môi trường, độ dài tối đa và tối thiểu đường ống dẫn, độ an toàn của đường ống dẫn. Trong quy hoạch xác định cải tạo 4 nhà máy xử lý nước thải cũ, quy mô công suất là 62 nghìn m³/ngày, xây mới 5 nhà máy với quy mô 85 nghìn m³, chiều dài đường ống dẫn chính là 350 km, diện tích xử lý 760 km².

Hai là xác định rõ tiêu chuẩn quy hoạch, phù hợp với quy mô xây dựng. So với thành phố, thì khu vực nông thôn sử dụng nước máy với mức độ thấp hơn so với thành phố, chính vì thế khi lên kế hoạch xây dựng hệ thống xử lý nước thải ở khu vực nông thôn cần phải quan tâm đến yếu tố tập quán sinh hoạt, điều kiện sản xuất và nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, không nên áp dụng các tiêu chuẩn quy định của thành phố vào khu vực nông thôn để tránh xảy ra trường hợp đầu tư lãng phí. Đơn vị chịu trách nhiệm lập quy hoạch đã có điều tra chi tiết về tình hình sử dụng nước ở nông thôn, xác định rõ lượng nước

sinh hoạt bình quân tính theo đầu người trong khu vực, đưa ra chỉ số dự báo đến năm 2020 lượng nước bình quân ở khu vực đô thị sẽ là 150 lít/người/ngày, trong khi ở nông thôn sẽ là 60 lít/người/ngày. Nhà máy xử lý nước thải tập trung phải đạt công suất và tiêu chuẩn ở cấp độ 1 - A (cấp độ đánh giá cao nhất), các điểm xử lý nước thải phi tập trung ở nông thôn thì cần đạt tiêu chuẩn cấp độ 1- B. Qua nhiều năm xây dựng và phát triển, các tiêu chí cũng sẽ có sự thay đổi để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của khu vực. Việc điều chỉnh sẽ được tiến hành 5 năm 1 lần.

Ba là, đặc biệt chú ý xử lý nước thải tại các khu công nghiệp. Nền kinh tế công nghiệp ở Trường Thục rất phát triển, đặc biệt là sau khi chính quyền địa phương áp dụng các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề công nghiệp sản xuất, chính sách ưu tiên đầu tư, kêu gọi đầu tư nước ngoài. Chính vì thế, lượng nước thải trong sản xuất cũng cần phải được xử lý tốt. Trong kế hoạch, công suất xử lý nước thải toàn khu vực là 305 nghìn m³/ngày, thì trong đó công suất xử lý nước thải công nghiệp là 130 m³/ngày.

Tăng cường đầu tư trang thiết bị

Đầu tư xử lý nước thải nông thôn cũng cần một nguồn đầu tư tài chính khổng lồ, vì nước thải ở khu vực nông thôn khá phức tạp, chưa kể

các khu công nghiệp được xây dựng trong khu vực với lượng nước thải lớn và tính chất của nước thải phức tạp. Chính vì thế, ngoài nguồn vốn hỗ trợ của Chính phủ cho công tác xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chính quyền thành phố cũng kêu gọi sự hỗ trợ từ các tổ chức xã hội khác. Đặc biệt là đầu tư hệ thống máy móc thiết bị cho các điểm xử lý nước thải tập trung và phi tập trung, hệ thống đường ống dẫn thải và trạm bơm nước thải.

Việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho hệ thống xử lý nước thải cần được thống nhất và đảm bảo không có sự chênh lệch giữa khu vực đô thị và nông thôn, để đảm bảo hệ thống vận hành hiệu quả và quan trọng là xử lý triệt để vấn đề nước thải ở khu vực nông thôn. Trường Thục đã quyết tâm và nghiêm túc thực hiện đồng bộ hóa đô thị và nông thôn để giải quyết vấn đề nước thải ở cả hai khu vực, không để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường nước, đặc biệt là nước ao hồ, sông ngòi ở nông thôn, đảm bảo điều kiện sống tốt nhất cho người dân ở đô thị và nông thôn, rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa 2 khu vực này, dần thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới và xây dựng đô thị hóa toàn diện.

Lưu Cát

Nguồn: <http://www.chinajsb.cn>

ND: Quỳnh Anh

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG LẦN THỨ NHẤT TỔNG CÔNG TY VIGLACERA

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2014



Đoàn Chủ tịch Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất T Cty Viglacera - Công ty cổ phần



Các đại biểu và cổ đông dự Đại hội